



Mục lục

SỰ KIỆN

- 3 Lời kêu gọi của Tổng Bí thư về công tác phòng, chống đại dịch COVID-19
-
- 5 *** Tâm vóc và ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám
-
- 8 Lễ công bố quyết định về công tác cán bộ của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026
-

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 11 VŨ VĂN HIỀN:
Dân chủ và thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền ở Việt Nam
-
- 17 PHẠM VĂN LINH:
Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng, thực hiện hệ tiêu chí phát triển đất nước, những đề xuất mới cho Việt Nam
-

28 NGUYỄN VIỆT THÔNG:

Phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII

39 ĐỖ ĐỨC HỒNG HÀ:

Đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 để có cơ sở thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

52 NGUYỄN HỒNG SƠN: Một số vấn đề về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí góp phần phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay

65 ĐẶNG THỊ ÁNH TUYẾT - LẠI THỊ THU HÀ:

Chính sách xã hội cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay



LỜI KÊU GỌI CỦA TỔNG BÍ THƯ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG ĐẠI DỊCH COVID-19

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình dịch COVID-19, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có Lời kêu gọi gửi đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài về công tác phòng, chống đại dịch COVID-19.

Tòa soạn trân trọng giới thiệu toàn văn Lời kêu gọi:

“Thưa đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài

Trong thời gian qua, trước những diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh COVID-19, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chỉ đạo về tăng cường công tác phòng, chống dịch, chăm lo đời sống, bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội; ban hành kịp thời nhiều chính sách hỗ trợ

người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19... Các cấp, các ngành, các địa phương và nhân dân cả nước đã chủ động, kịp thời thực hiện các biện pháp mạnh mẽ, quyết liệt như giãn cách, cách ly xã hội, “chiến lược vaccine”, “vaccine và biện pháp 5K”... để phòng, chống, ngăn chặn dịch bệnh, bước đầu đã thu được một số kết quả tích cực.

Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt hoan nghênh, biểu dương và đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực của nhân dân trong nước, đồng bào ta ở nước ngoài đã phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; cảm ơn cộng đồng quốc tế đã đồng hành, ủng hộ, chung tay góp sức cùng Việt

Nam trong công tác phòng, chống dịch; biểu dương sự vào cuộc kịp thời, tích cực của cả hệ thống chính trị đã góp phần kiểm chế, ngăn chặn sự bùng phát của dịch bệnh; phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Hiện nay, tình hình đại dịch COVID-19 vẫn đang diễn biến rất phức tạp, tốc độ lây lan rất nhanh, gây tổn hại lớn về sức khỏe và tính mạng của người dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế - xã hội và mọi mặt của đời sống. Với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân là trên hết, trước hết, thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi tha thiết kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và đồng bào ta ở nước ngoài: Chúng ta đã cố gắng càng cố gắng hơn nữa; đã đoàn kết càng đoàn kết hơn nữa; đã quyết tâm càng quyết tâm cao hơn nữa; toàn dân tộc muôn người như một, đồng lòng cùng Đảng, Chính phủ, các cấp, các ngành tìm mọi cách quyết ngăn chặn, đẩy lùi bằng được, không để dịch lan rộng, bùng phát trong cộng đồng. Tôi yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, ban

chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 từ Trung ương tới cơ sở phải quyết liệt hơn nữa trong lãnh đạo, chỉ đạo; tập trung cao nhất công sức, thời gian, ưu tiên mọi nguồn lực; chủ động nắm chắc và dự báo, kiểm soát tốt tình hình; tuyệt đối không được lơ là, chủ quan, không để bị động, bất ngờ trong ứng phó với diễn biến mới của dịch bệnh; linh hoạt, sáng tạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công việc hệ trọng này.

Tôi tin tưởng sâu sắc rằng, cả nước góp sức, toàn Đảng, toàn dân đồng lòng, thống nhất ý chí và hành động, cùng với sự giúp đỡ chí tình của đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế, nhất định chúng ta sẽ chiến thắng đại dịch COVID-19 và phải chiến thắng cho bằng được, góp phần xứng đáng vào sự nỗ lực chung của toàn nhân loại vì một thế giới an toàn, lành mạnh, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và thịnh vượng, xứng đáng với truyền thống anh hùng vẻ vang của Đất nước ta, Dân tộc ta! ■

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Tổng Bí thư

Ban Chấp hành Trung ương

Đảng Cộng sản Việt Nam

TÂM VÓC VÀ Ý NGHĨA CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM



Đối với lịch sử phát triển nhân loại, sau cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga, Cách mạng Tháng Tám ghi đậm dấu ấn vào phong trào cách mạng chung trong thế kỷ XX, chặt đứt một mắt xích xung yếu nhất của chủ nghĩa thực dân cũ, là gương sáng và sự khích lệ mạnh mẽ cho hàng loạt các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, Mỹ la tinh vùng dậy phá xiềng, giành độc lập dân tộc. Vì vậy Cách mạng Tháng Tám là ngọn đèn toả sáng đối với phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

Đối với nước ta, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong suốt 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô viết - Nghệ Tĩnh, Cuộc vận động dân chủ những năm 1936 - 1939, đến Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945, mặc dù có lúc cách mạng bị chìm trong biển máu.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám là một trong những sự kiện trọng đại nhất, oanh liệt nhất của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX. Trong một thời gian ngắn, với khí thế cách mạng sôi sục và trào dâng chưa từng có, dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã lập nên kỳ

tích Tháng Tám, thực hiện đồng thời trọn vẹn bốn mục tiêu: Chấm dứt chế độ phong kiến hàng nghìn năm; chấm dứt chế độ thuộc địa dưới sự đô hộ của thực dân Pháp suốt gần một trăm năm và gần 5 năm phát xít Nhật khổng chế; thống nhất đất nước; giành chính quyền về tay nhân dân, dựng lên Nhà nước Cộng hòa đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc ta - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.

Ôn lại những sự kiện lịch sử của những năm tháng hào hùng đó, chúng ta sẽ càng thêm tự hào về Đảng ta, dân tộc ta và nhân dân ta.

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn kết thúc. Phát xít Đức sắp sửa bị tiêu diệt ở châu Âu. Phát xít Nhật cũng bị nguy khốn ở mặt trận Thái Bình Dương. Để loại trừ nguy cơ bị Pháp đánh sau lưng, Nhật làm đảo chính lật đổ Pháp ngày 9-3-1945. Ngay trong đêm đó, ban Thường vụ Trung ương Đảng ta đã họp, thống nhất nhận định và ra Chỉ thị: “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Một trong những nhận định và quyết định quan trọng nhất của Đảng ta trong Hội nghị này là: Nhật

nhất định sẽ hất được cẳng Pháp và ta sẽ phát động cao trào kháng Nhật thật mạnh mẽ, tiến tới tổng khởi nghĩa, cướp chính quyền trên tay Nhật.

Đó là một quyết định vô cùng chính xác và sáng suốt. Khi ấy, phát xít Đức - Italia - Nhật từng làm mưa gió trên thế giới đã đến giờ cáo chung, châu Âu đã được Liên Xô giải phóng, phát xít Đức đã đầu hàng vô điều kiện. Tiếp đó Liên Xô tuyên chiến với Nhật và quân đội Xô viết đã giáng cho đội quân phát xít Nhật một đòn chí mạng tại mặt trận Đông Bắc Trung Quốc, quân đội đã tan rã và đầu hàng. Như vậy, trong cục diện chung, phát xít Nhật lúc đó là con rắn độc đã bị đập nát đầu, ở Việt Nam quân Nhật chỉ là khúc đuôi ngoe nguẩy. Đây là thời điểm thuận lợi nhất mà ta có thể vùng lên cướp chính quyền.

Nhận định đúng tình hình, xác nhận đúng kẻ thù trực tiếp, Đảng và Bác Hồ của chúng ta đã khẩn trương chuẩn bị lực lượng và chuẩn bị tốt các điều kiện bên trong. Khi ấy chúng ta đã có mặt trận Việt Minh, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân được nhân dân hết lòng ủng hộ. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân đã cùng Cứu quốc quân

đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ nhân dân nổi dậy giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở Việt Bắc, khởi nghĩa Ba Tơ ở Quảng Ngãi thắng lợi, nhiều cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra liên tiếp ở khắp Bắc - Trung - Nam.

Tình hình càng khẩn trương thì việc chỉ đạo của Đảng ta càng sâu sát, cụ thể và khoa học. Đảng họp Hội nghị toàn quốc ở Tân Trào từ ngày 13 đến 15 tháng Tám năm 1945, ra Nghị quyết lãnh đạo toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đề ra đường lối đối nội, đối ngoại trong tình hình mới. Sau Hội nghị của Đảng, Đại hội quốc dân họp vào ngày 16-8-1945. Đây là Hội nghị lịch sử quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, quy định Quốc kỳ, Quốc ca của nước Việt Nam. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi thư đến toàn thể đồng bào kêu gọi quốc dân đoàn kết xung quanh Ủy ban khởi nghĩa để nổi dậy.

Hưởng ứng lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, của Mặt trận Việt Minh và Ủy ban khởi nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã nhất tề nổi dậy tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa. Ngày 19 tháng Tám, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi ở Hà Nội.

Ngày 23 tháng Tám, thắng lợi ở Thừa Thiên - Huế, lật đổ chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, buộc vua Bảo Đại thoái vị. Ngày 25 tháng Tám, cuộc khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn. Như vậy Cách mạng tháng Tám đã giành thắng lợi trên cả nước trong vòng nửa tháng.

Ngày 2-9-1945, trước cuộc mít tinh của hơn nửa triệu người dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Những trang vàng truyền thống đó của lịch sử cách mạng Việt Nam mãi mãi in sâu vào ký ức của các thế hệ hôm nay và mai sau. Từ thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám và lập ra nước Việt Nam mới, chúng ta đã bước tiếp những chặng đường cách mạng vô cùng gian khổ, nhưng đã làm nên những chiến thắng vẻ vang, oanh liệt, đánh thắng cả chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới, có một Việt Nam thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, một Việt Nam đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với tiềm lực và khả năng ngày càng to lớn hôm nay, chúng ta càng thấy ý nghĩa trọng đại và tầm vóc lớn lao của Cách mạng Tháng Tám ■

KÝ LUẬN & THỰC TIỄN

LỄ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG NHIỆM KỲ 2021-2026

Chiều 06-8, tại Trụ sở Hội đồng Lý luận Trung ương diễn ra Lễ công bố Quyết định của Bộ Chính trị về công tác cán bộ của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh dự và phát biểu ý kiến.

Cùng dự, có các đồng chí đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương; Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Tổng Bí thư, Học viện Chính trị quốc gia

Hồ Chí Minh, Bộ Công an và Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

Tại buổi lễ, đồng chí Hoàng Đăng Quang, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương đã công bố Quyết định của Bộ Chính trị về việc bổ nhiệm các đồng chí tham gia Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026. Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị, làm cơ sở cho việc hoạch định, hoàn thiện, phát triển đường lối, chính sách của Đảng, những chương trình, đề tài khoa học cấp nhà nước về lý luận chính trị, phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Theo Quyết định của Bộ Chính trị, đồng chí GS, TS Tạ Ngọc Tấn, Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021 được cử làm Phó Chủ tịch thường trực; các đồng chí PGS, TS Nguyễn Văn Thành, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Thứ trưởng Bộ Công an, GS, TS Nguyễn Quang Thuấn và PGS, TS Phạm Văn Linh, Phó chủ tịch chuyên trách nhiệm kỳ 2016-2021 làm Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng nhiệm kỳ 2021-2026; Đồng chí Bùi Nhật Quang, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam làm Phó Chủ tịch kiêm nhiệm và đồng chí TS Bùi Trường Giang, nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 thay mặt Bộ Chính trị trao quyết định cho các đồng chí tham gia

Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ mới. Phát biểu ý kiến tại lễ công bố, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nêu rõ, tại Đại hội XIII của Đảng, công tác lý luận được nhấn mạnh và định hướng rất cụ thể gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; trực tiếp là xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, lý luận, với yêu cầu cao: “Nâng tầm tư duy lý luận của Đảng, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp kịp thời cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”.

Để phục vụ cho nhiệm vụ to lớn ấy, Hội đồng Lý luận Trung ương phải tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận trên cơ sở nắm vững và vận dụng sáng tạo phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả tham vấn về lý luận chính trị, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Căn cứ vào Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Thường trực Hội đồng phải xây dựng và triển khai kế hoạch tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận để kịp thời xây dựng các báo cáo tư vấn; tổng kết, tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sớm kết luận những vấn đề thực tiễn đã chín, đã rõ; xây dựng các chuyên đề lý luận có chất lượng để phục vụ chương trình nghiên cứu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sớm triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2021 - 2025 để xây dựng các cơ sở khoa học và thực tiễn, làm tốt công tác tư vấn cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, góp phần đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống và phục vụ cho việc hoạch định đường lối của Đảng.

Phải gắn nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn phát triển các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; với xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là xây dựng Đảng, xây dựng Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa theo cách tiếp cận và yêu cầu mới là hình thành đồng bộ thể chế phát triển đất nước dựa chủ yếu vào nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy cao độ nhân tố con người là chủ thể phát triển, tạo động lực mạnh mẽ để đất nước phát triển nhanh, bền vững, thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, không rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”, thực hiện thành công mục tiêu trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

Hội đồng cần chủ động, thể hiện tốt vai trò là đầu mối phối hợp với các cơ sở nghiên cứu, các ban, bộ, ngành Trung ương, các cấp uỷ địa phương, các cơ quan và đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị cả nước trong hoạt động tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trao đổi, nghiên cứu lý luận chính trị, hoàn thành tốt các nhiệm vụ quan trọng mà Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương giao cho ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Là một hình thức tổ chức thiết chế chính trị xã hội, lại ● là khát vọng muôn thuở của con người, dân chủ đã xuất hiện từ xa xưa. Thời Hy Lạp cổ đại đã dùng từ *demokratina* có nghĩa là dân chủ, quyền lực của nhân dân. Dân chủ là một phạm trù lịch sử, biến đổi và phát triển không ngừng cả về nhận thức và thực hành trong từng giai đoạn phát triển của xã hội loài người.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, dân chủ là một phương tiện tất yếu để con người đạt tới tự do, giải phóng toàn diện những năng lực vốn có của mỗi cá nhân, tức quyền con người được bảo đảm và thực hiện đầy đủ; để khi ấy, con người sẽ từ “vương quốc tất yếu” sang “vương quốc

tự do”. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin thường sử dụng khái niệm dân chủ trên nhiều phương diện khác nhau của xã hội. Khái niệm dân chủ như một hình thức nhà nước hay một chính thể dân chủ; dân chủ là vấn đề quyền lợi của nhân dân theo nghĩa rộng; dân chủ là nguyên tắc trong quản lý – tổ chức; dân chủ là khái niệm về tư tưởng, tinh thần dân chủ.

Với quan niệm *dân chủ nghĩa là dân là chủ và dân làm chủ*, Hồ Chí Minh không chỉ đặt nhân dân lên vị thế chủ thể xã hội, mà còn nói rõ mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời giữa vị thế chủ thể xã hội của nhân dân với hành động làm chủ xã hội của nhân dân. Người khẳng định “dân chủ là của quý

báo nhất của nhân dân”, là lợi ích thiết thực của nhân dân, là động lực thúc đẩy nhân dân hành động vì đất nước, vì dân tộc. Với Hồ Chí Minh, dân chủ là động lực không chỉ cho những thành công của cách mạng giải phóng dân tộc, mà cả cho những thành công trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt Nam.

2. Ở Việt Nam hiện nay, qua gần một thế kỷ lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành thắng lợi trọn vẹn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và thành công trong công cuộc xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, được toàn thể nhân dân tin tưởng. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền là một lẽ đương nhiên. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Việt Nam không có tam quyền phân lập mà có sự thống nhất, phân công và phối hợp kiểm soát giữa ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền vì Hiến pháp và pháp luật là tối thượng. Cơ chế vận hành thể chế chính trị của Việt Nam dựa trên nền tảng thống nhất

giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Việt Nam chủ trương xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tức là nền dân chủ mà ở đó tất cả quyền lực của Nhà nước thuộc về nhân dân; pháp luật của Nhà nước vì lợi ích của nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ của đại đa số nhân dân, gắn với quyền dân chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, được pháp luật bảo đảm dưới sự lãnh đạo của Đảng; là hình thức thể hiện quyền tự do, bình đẳng của công dân, xác định nhân dân là chủ thể của quyền lực. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm toàn bộ các quyền của con người, quyền của công dân như quyền tự do cá nhân, tự do báo chí, hội họp, đi lại, tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo, quyền bất khả xâm phạm thân thể và quyền nhà ở, nghỉ ngơi, học hành... Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương, quyền và nghĩa vụ công dân do

Hiến pháp và pháp luật quy định. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Cốt lõi của dân chủ xã hội chủ nghĩa là khẳng định quyền lực của nhân dân, là giải quyết mối quan hệ giữa quyền và lợi ích, quyền và nghĩa vụ, lợi ích và trách nhiệm.

Qua các kỳ đại hội, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng nhận thức sâu sắc và cụ thể hơn về dân chủ và thực hành dân chủ. Đại hội IV của Đảng (năm 1976) khẳng định: Để đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, một trong những điều kiện tiên quyết là thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Các đại hội tiếp theo của Đảng đều có những quan điểm sâu sắc về dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân. Đại hội XII của Đảng khẳng định “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải

được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định “Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

3. Thành công của Việt Nam trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chính là kết hợp hài hòa giữa nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về dân chủ để có chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật phù hợp, là giữa lý thuyết về dân chủ với việc thực hành dân chủ trên mọi mặt của đời sống xã hội. Thực hành dân chủ chính là hình thành những cơ chế, chính sách, những quy định, nguyên tắc và biện pháp hữu hiệu để bảo đảm cho mọi người dân thực hiện quyền dân chủ, là hiện thực hóa phương châm mà Đảng đã xác định. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng. Thực chất của việc thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy vai trò chủ thể của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân nhằm huy động mọi nguồn lực để xây dựng và bảo

vệ Tổ quốc. Đó là phát huy vai trò tích cực, tự giác, sáng tạo của con người với tư cách là chủ nhân của xã hội. Mục tiêu của thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là củng cố và tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa vững mạnh; giữ ổn định chính trị, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, tạo tiền đề đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ.

Nội dung cơ bản của thực hành dân chủ là Đảng lãnh đạo toàn bộ xã hội phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Nhà nước là tổ chức quyền lực của nhân dân, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật, tổ chức quản lý, điều hành xã hội để thực hiện đường lối của Đảng và bảo đảm lợi ích của nhân dân; các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và bảo đảm quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân. Nhân dân có quyền và trách nhiệm trực tiếp tham gia xây dựng, hoạch định và thi

hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4. Hành trình 35 năm đổi mới đất nước vừa qua cũng là thời gian Việt Nam đẩy mạnh việc thực hành và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 35 năm đổi mới để đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay chính là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo và sự nỗ lực phấn đấu bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân ta, đồng thời cũng là thành công của quá trình thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong 35 năm qua đã có những bước tiến rất quan trọng.

Thể chế thực thi các quyền làm chủ của nhân dân từng bước được xác lập, cụ thể hóa và đi vào cuộc sống như một lẽ đương nhiên. Ý thức dân chủ của công dân và của xã hội, trình độ làm chủ của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Nhiều chủ trương, biện pháp phát huy vai trò tích cực, chủ động của nhân dân đã được thực hiện hiệu quả. Niềm tin của nhân dân với Đảng, với Nhà nước được củng cố và trở thành quan hệ hữu cơ, bền chặt. Trong bối cảnh đại dịch

Covid-19 tác động mạnh đến nước ta, gây nhiều thiệt hại về kinh tế - xã hội và chính trong hoàn cảnh đó dễ nhận thấy tính ưu việt của thể chế dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự lãnh đạo nhạy cảm, đúng đắn của Đảng; sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, kịp thời của chính phủ; sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của các ngành, các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội; sự đồng hành, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân cả nước, chúng ta đã kịp thời khống chế, cơ bản kiểm soát được dịch bệnh, hạn chế tối đa những thiệt hại, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội của nhân dân, từng bước khôi phục sản xuất kinh doanh để hoàn thành ở mức cao nhất các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Dân chủ trong lĩnh vực kinh tế có bước phát triển quan trọng là cơ sở cho sự bảo đảm dân chủ trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Đường lối xây dựng và phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh, hình thức phân phối, bình đẳng trước pháp luật, hoạt động theo pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp

tác và cạnh tranh lành mạnh, đã tạo nền điều kiện nền tảng cho việc thực hành và phát huy dân chủ.

Trong lĩnh vực chính trị, dân chủ trong Đảng, trong các tổ chức nhà nước, đoàn thể và xã hội trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan dân cử được mở rộng và phát huy hiệu quả tích cực. Việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, xử lý các hành vi vi phạm quyền dân chủ được chú trọng hơn. Hệ thống chính trị có những đổi mới theo hướng tinh, gọn, hiệu lực, hiệu quả; dân chủ hóa, công khai minh bạch trong phương thức hoạt động, qua đó dân chủ xã hội ngày càng được phát huy, hiệu quả.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng mở rộng và phát huy dân chủ, phát huy tốt hơn vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp ra đời đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhân dân. Các hình thức thực hiện dân chủ (dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện) từng bước được mở rộng, đổi mới và thực hiện hiệu quả hơn.

Dân chủ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội được đẩy mạnh và thực thi hiệu quả

hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và các giải pháp hữu hiệu trong các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, công nghệ, môi trường... ngày càng hoàn thiện và đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống. Nhiều văn bản pháp luật đã cụ thể hóa các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, phù hợp hơn với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật được luật hóa và từng bước đi vào cuộc sống. Công bằng, bình đẳng xã hội có bước tiến bộ rõ rệt. Việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân ngày càng được quan tâm và phát huy hiệu quả tích cực.

Có thể khẳng định việc thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam là phù hợp với điều kiện ở nước ta nên đã đưa tới những thành công tốt đẹp. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn giữ vững chủ trương và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội, mọi vấn đề từ cương lĩnh, đường lối, chiến lược, sách lược đến chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng đều được tổ chức thảo luận rộng rãi trong Đảng và lấy ý kiến của nhân dân. Tất cả những phương thức và giải pháp thực

hành dân chủ ở Việt Nam đã đưa tới kết quả tốt đẹp, khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là biểu tượng về dân chủ và vấn đề cốt tử để xây dựng bảo vệ Tổ quốc chính là phải bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Chính vì thế, trong Văn kiện Đại hội XIII, từ thực tiễn 35 năm đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, 5 bài học kinh nghiệm quý báu đã được đúc kết, trong đó có bài học thứ hai là: “Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn luôn quán triệt sâu sắc quan điểm dân là gốc; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa” ■

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG, THỰC HIỆN HỆ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC, NHỮNG ĐỀ XUẤT MỚI CHO VIỆT NAM

● PGS, TS PHẠM VĂN LINH

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương



Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng _ Ảnh: IT

I. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

Cho đến nay, việc xác định và thực

hiện chỉ tiêu, mục tiêu phát triển trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn luôn có vị trí quan trọng hàng đầu đối với các quốc gia. Mặc dù có mô hình, thể chế

chính trị, trình độ phát triển khác nhau, các quốc gia trên thế giới đều quan tâm tới việc xây dựng, thực hiện mục tiêu phát triển. Điều này có ý nghĩa to lớn, là cơ sở để xây dựng các chính sách, giải pháp thực hiện, vừa thể hiện trọng tâm ưu tiên, thông qua vai trò Nhà nước và sự vận động của cơ chế thị trường để phân bổ có hiệu quả các nguồn lực. Các mục tiêu khi được xác định, là tiền đề cho việc xây dựng hệ chỉ tiêu trên từng lĩnh vực, thông qua việc thực hiện, cũng như thể hiện năng lực, uy tín của Nhà nước đối với người dân. Bởi vậy, có một số nguyên tắc chung trong việc xây dựng, thực hiện mục tiêu và chỉ tiêu được nhiều quốc gia đã tiến hành là:

Một là, mục tiêu cần được xác định rõ ràng phù hợp với đặc điểm mỗi quốc gia và xu thế phát triển của thế giới.

Xây dựng mục tiêu cần phải đảm bảo các yêu cầu: *i)* Tạo được động lực

phấn đấu của người dân, doanh nghiệp thông qua việc chỉ rõ lợi ích người dân được thụ hưởng, tránh để tham vọng chính trị lấn át khả năng hiện thực hóa trên thực tế; *ii)* Các mục tiêu đặt ra kỳ vọng phát triển, song phải rõ ràng, không mơ hồ, có thể định lượng được, có tính khả thi; *iii)* Vừa có tính kế thừa, vừa dự liệu khả năng đạt được gắn với bối cảnh trong nước, thế giới luôn thay đổi, phù hợp với đặc điểm mỗi nước và mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc; *iv)* Xác định mục tiêu vừa có tính động, mở nhưng phải rõ hướng ưu tiên, có khả năng điều chỉnh qua từng giai đoạn. Kinh

nghiệm đưa ra định hướng mục tiêu của một số nước khá rõ ràng, thể hiện khát vọng, không gây tranh cãi, như: Mục tiêu trong Chiến lược 2011 - 2025: Phát triển Ấn Độ tân tiến tự chủ, tiến bộ, công bằng và thịnh vượng; với Thái Lan là tầm nhìn phát triển 2017-2036: An ninh, Thịnh vượng và bền vững;

Trung Quốc xây dựng toàn diện xã hội khá giả..

Hai là, hệ các chỉ tiêu đặt ra không nên quá nhiều, nhất là các chỉ tiêu pháp lệnh, đồng thời chuyển từ đo lường tăng trưởng, phát triển về lượng sang chất lượng phúc lợi người dân được thụ hưởng.

Xây dựng hệ chỉ tiêu phục vụ mục tiêu phát triển đất nước chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố, trong đó có vai trò của Nhà nước và mức độ hoàn thiện của thị trường. Các nước phát triển, vai trò can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của nền kinh tế ít hơn, chẳng hạn ở Anh, khi xây dựng mục tiêu dài hạn, xác định xây dựng một nền kinh tế mạnh hơn và bảo đảm tốt hơn cho sự phát triển đất nước bằng việc xác định 5 chỉ tiêu: giảm thâm hụt ngân sách; cắt giảm thuế; tạo thêm việc làm; bảo đảm phúc lợi và giảm nhập cư; cung cấp trường học tốt nhất. EU chỉ xác định có 6 chỉ tiêu pháp lệnh. Các mục tiêu, chỉ tiêu này phần lớn mang ý nghĩa cam kết của chính phủ, hoặc để giải trình chi tiêu, không có ý nghĩa pháp lý chính phủ phải đạt được. Bên cạnh đó, điểm mới trong việc xây dựng mục tiêu,

tiêu chí hiện nay là chuyển từ đo lường tăng trưởng, phát triển kinh tế và thu nhập sang phúc lợi cho người dân, lấy người dân làm trung tâm. Cách tiếp cận này có sự giống nhau ở các nước phát triển, đặc biệt là các nước Bắc Âu.

Ba là, việc xây dựng và thực hiện mục tiêu, hệ tiêu chí luôn tính đến các nhân tố bất thường khi nền kinh tế gặp cú sốc lớn, nhất là chiến tranh, thiên tai, khủng hoảng, bệnh dịch... điều đó đòi hỏi:

- *Xây dựng cơ chế tự điều chỉnh các chỉ tiêu, các ngưỡng tài chính, ngân sách.* Khi có nhân tố bất thường, các cơ chế điều chỉnh tự động và phản hồi chính sách được kích hoạt, giúp chính phủ tăng cường hiệu lực thực hiện, điều chỉnh các nguồn lực. Chẳng hạn, *đối với nợ công:* Ba Lan và Slovakia đặt mức trần nợ công ở mức tương đương 60% GDP. Tại Slovakia, khi tỷ lệ nợ lên 50% GDP, Bộ trưởng Tài chính có nghĩa vụ giải trình trước Quốc hội và đưa ra những giải pháp giảm nợ công; khi lên tới mức 53% GDP, chính phủ có thể sẽ thông qua một gói các biện pháp để giảm mức nợ; và khi tới mức 55% GDP, chi tiêu công có thể sẽ bị cắt giảm tự động 3%

và chi tiêu cho năm kế tiếp sẽ bị “đóng băng”, trừ các quỹ liên kết với EU. *Đối với cân đối NSNN*: Quy tắc cân bằng cơ cấu ngân sách của Thụy Sĩ và Đức có cơ chế tự điều chỉnh nhằm “phanh nờ”. Khi sự chênh lệch tích lũy vượt một ngưỡng thì cơ chế “chỉnh sửa” nhằm làm giảm chênh lệch sẽ được kích hoạt, với thời hạn cho điều chỉnh được xác lập sẵn.

- *Quy định trường hợp được phép miễn áp dụng các nguyên tắc tài chính, ngân sách hiện hành khi khẩn cấp*. Các điều khoản miễn áp dụng các quy định tài chính, ngân sách, cụ thể là : *i*). Giới hạn và xác định rõ những yếu tố, những trường hợp được phép miễn áp dụng; *ii*). Đưa ra chỉ dẫn rõ ràng về việc nội dung, cách thức giải trình, lý giải và việc xác định các trường hợp; *iii*). Xác định lộ trình quay trở lại áp dụng các quy định đã bị hoãn để xử lý những sai lệch. Các điều khoản miễn áp dụng này được thực hiện ở Brazil, Colombia, Đức, Mexico, Jamaica, Panama, Peru, Romania, Slovakia, Tây Ban Nha và Thụy Sĩ, nhất là trong giai đoạn suy thoái kinh tế, thiên tai hay giải cứu hệ thống ngân hàng (Slovakia). Trong

thời kỳ khủng hoảng tài chính, nhiều nước đã tạm thời không áp dụng cơ chế, nguyên tắc tài chính, ngân sách hoặc được điều chỉnh bằng cách nói lỏng theo hướng linh hoạt hơn...

Bốn là, một số chỉ tiêu là ngưỡng an toàn cần phải điều chỉnh theo giai đoạn, nhất là khi bối cảnh môi tác động mạnh đến điều kiện thực hiện

- Các ngưỡng nêu trên hầu hết có ý nghĩa cảnh báo cho các nước, trong quá trình điều hành kinh tế vĩ mô, điển hình là trường hợp ngưỡng an toàn về nợ công, nợ nước ngoài như ở một số quốc gia châu Âu. Đối với ngưỡng về dự trữ ngoại hối, một số nước như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,.. không tính đến các ngưỡng thông thường do có dự trữ nhiều. Gần đây, IMF (2013) đã đưa yếu tố nhận kiểu hối, là nhân tố quan trọng trong đánh giá tính bền vững của nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia..

- Một số nhân tố ảnh hưởng tới việc áp dụng và cảnh báo các chỉ tiêu có liên quan tới chuẩn mực an toàn, quy định về thống kê, thu thập dữ liệu, việc phân tích, công khai chỉ tiêu và khả năng so sánh quốc tế, đặc biệt là các yếu tố chính trị, kinh tế,... ảnh hưởng tới việc

xây dựng và áp dụng các chỉ tiêu kinh tế của mỗi quốc gia cũng cần được điều chỉnh.

Năm là, xây dựng và thực hiện mục tiêu, hệ tiêu chí phát triển đất nước hiện nay ở các nước ASEAN cần tính đầy đủ, sâu sắc các nhân tố tác động mới, như: i). Tác động của Đại dịch Covid-19; ii). Tác động của căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung lên các lĩnh vực thương mại và đầu tư, tài chính, những điều chỉnh chính sách của chính quyền mới ở Mỹ; iii). Gia tăng xu hướng Nam tiến (ASEAN) của các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, vùng lãnh thổ Đài Loan; iv). Tranh chấp lãnh hải và thay đổi lớn trong các tuyến hàng hải quốc tế qua biển Đông; v). Tác động của tiến bộ công nghệ, đặc biệt là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; vi). Sự phân tán đầu tư quốc tế từ các trung tâm dịch, các nước phát triển ra các nước khác; vii). Chi phí nhân công trong

nước ngày càng tăng; viii). Nguy cơ tăng ô nhiễm môi trường; ix). Hệ lụy của biến đổi khí hậu và xâm mặn.

II. CÁC NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN TRONG XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2045

1. Về nguyên tắc

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra mục tiêu, xây dựng các chỉ tiêu đến năm 2030. Trong đó, đã có các chỉ tiêu cụ thể của giai đoạn 2021-2025 và một số chỉ tiêu của 2030, do đó yêu cầu đặt ra là cần thực hiện tốt chỉ tiêu giai đoạn 2021 - 2025 và xây dựng và thực chỉ tiêu của giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra mục tiêu, xây dựng các chỉ tiêu đến năm 2030. Trong đó, đã có các chỉ tiêu cụ thể của giai đoạn 2021-2025 và một số chỉ tiêu của 2030, do đó yêu cầu đặt ra là cần thực hiện tốt chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025 và xây dựng và thực chỉ tiêu của giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Bởi vậy, cần có các nguyên tắc chung trong xây dựng và thực hiện

mục tiêu, hệ chỉ tiêu phù hợp với thực tiễn Việt Nam, cụ thể là:

- Nguyên tắc chung:

Một là, quán triệt đầy đủ các quan

điểm chỉ đạo được nêu trong các văn kiện của Đảng từ Đại hội XIII và các nhiệm kỳ tiếp theo; xử lý đúng đắn các mối quan hệ lớn trong quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế, đây là các nguyên tắc chung, bao trùm chi phối toàn bộ sự phát triển của đất nước hiện nay và giai đoạn tiếp theo.

Hai là, tiếp tục cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu thể hiện tính định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế, chủ động lựa chọn, tiếp thu các tiêu chí thể hiện xu hướng văn minh, tiến bộ của nhân loại.

Ba là, đảm bảo tính nhất quán, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa chủ trương của Đảng với thể chế, chính sách pháp luật của Nhà nước; giữa phát triển bên trong và tranh thủ bên ngoài, trong đó giữ ổn định, phát triển bên trong có vai trò quyết định.

Bốn là, luôn xác định các hướng ưu tiên, khâu đột phá trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển, nhất là trong điều kiện có những tác động bất lợi từ bên ngoài. Đây là cơ sở để tạo đột biến trong phát triển.

- *Các nguyên tắc cụ thể:*

Việc lựa chọn mục tiêu, chỉ tiêu ưu

tiên phải dựa trên cơ sở phân tích chính xác, đúng những điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức của đất nước trong thời kỳ kế hoạch. Hàng năm, trong quá trình thực hiện, có sự ưu tiên, lựa chọn sẽ khác nhau, tùy theo điều kiện phát triển của đất nước. Không dập khuôn, cứng nhắc theo một mẫu kế hoạch với các tiêu chí, các mục giống nhau hàng năm. Việc xây dựng và thực hiện cần:

i). Có tính kế thừa, phản ánh được thành quả phát triển, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, mục tiêu, chỉ tiêu đề ra cần bám sát với tầm nhìn chung, càng cụ thể càng dễ thực hiện, việc đặt ra các mục tiêu quá chung chung dễ dẫn đến việc thực hiện không đầy đủ, dẫn tới mất định hướng.

ii). Đảm bảo tính nhất quán, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, là cơ sở để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, đặc biệt là các khâu đột phá, các hướng ưu tiên.

iii). Phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và những khuyến nghị hợp lý của một số tổ chức quốc tế uy tín như WB, IMF, ADB..., đặc biệt là các chỉ tiêu liên quan tới phát triển bền vững và chất lượng tăng trưởng.

iv). Cụ thể, dễ hiểu- đo lường được- khả thi- có khung thời gian thực hiện. Việc đề ra mục tiêu, chỉ tiêu cần đảm bảo có thể thực hiện được, không quá cao, không quá thấp. Mục tiêu, chỉ tiêu cần được xác định thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định.

v). Là công cụ để đánh giá các khía cạnh của nền kinh tế về quy mô, tốc độ, hiệu quả, bền vững, sáng tạo và bao trùm. Mục tiêu, chỉ tiêu được lượng hóa cao càng dễ dàng kiểm tra, kiểm soát tiến độ hoàn thành mục tiêu.

2. Những yêu cầu trong xây dựng và thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu

Khi xây dựng và thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu cần đảm bảo các vấn đề sau:

- *Tính nhất quán*: Trong việc xây dựng, đề ra mục tiêu, chỉ tiêu cần thống nhất; giữa các mục tiêu cụ thể không trái ngược, mâu thuẫn nhau và phải nhằm thực hiện mục tiêu tổng quát; mục tiêu tổng quát trong từng giai đoạn phải phù hợp với Cương lĩnh của Đảng. Mục tiêu dài hạn, mang tính định hướng, khái quát, mục tiêu ngắn hạn, phải đảm bảo tính cụ thể.

- *Xác định vấn đề cần ưu tiên*: Trong điều kiện đất nước còn khó khăn, các mục tiêu, chỉ tiêu cần xác

định các trọng tâm thực hiện, đặc biệt là những lĩnh vực có tính đột phá. Nguồn lực hạn chế cần phải được tập trung vào các lĩnh vực then chốt, quan trọng, tạo đòn bẩy cho sự phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, tránh dàn trải.

- *Phân bổ nguồn lực*: Đảm bảo vừa thực hiện theo cơ chế thị trường, vừa có vai trò của Nhà nước, nguồn lực được phân bổ hợp lý để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định..

- *Bảo đảm sự gắn kết trong xây dựng và thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu*: giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa kinh tế, xã hội và môi trường, cụ thể hóa định hướng xã hội chủ nghĩa trong xây dựng và thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu. *i*). Lấy con người là trung tâm của sự phát triển, phát triển con người Việt Nam toàn diện, cả về vật chất, tinh thần và tiến bộ là mục tiêu cuối cùng. *ii*). Thực hiện nguyên tắc phát triển hài hòa, bền vững giữa kinh tế, xã hội và môi trường, luôn được chú trọng trong quá trình phát triển. *iii*). Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ, nhất là ở những ngành

và lĩnh vực sản xuất có ảnh hưởng đến tốc độ và chất lượng tăng trưởng, như công nghệ thông tin, internet, kinh tế số, xã hội số...iv). Nâng cao chất lượng, năng lực quản trị của Nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hoạt động hiệu lực, hiệu quả. v). Phát triển nhanh, bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, các cấp chính quyền, các bộ, ngành và địa phương; đoàn thể xã hội, các doanh nghiệp và mọi người dân.

3. Điều kiện áp dụng để xây dựng và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đất nước

Thứ nhất, ổn định chính trị - xã hội;

Thứ hai, các giải pháp phòng chống Covid- 19 ở Việt Nam đạt hiệu quả cao trong thời gian tới, đặc biệt là tỷ lệ tiêm phòng vacxin cộng đồng phải đạt 70 % trở lên trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Thứ ba, tình hình biển Đông cơ bản kiểm soát tốt, không có những đột biến bất lợi lớn

Thứ tư, hệ thống thể chế phát triển, đặc biệt là thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hoàn thiện, thực thi hiệu quả.

Thứ năm, vai trò của Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững, kỷ luật, kỷ cương xã hội được giữ vững.

Thứ sáu, vai trò lãnh đạo, lòng tin của nhân dân với Đảng tiếp tục được củng cố, nâng cao; cuộc chiến đấu chống tham nhũng đem lại kết quả tích cực

III. NHỮNG CĂN CỨ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐẢM BẢO THỰC HIỆN THẮNG LỢI MỤC TIÊU VIỆT NAM TRỞ THÀNH NƯỚC PHÁT TRIỂN, CÓ THU NHẬP CAO, THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Một số căn cứ chính

Một là, tác động tích cực của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đây là cơ hội lớn, Việt Nam đã từng bước thích ứng xây dựng kinh tế số, xã hội số với các chỉ tiêu thành phần từng bước cụ thể hóa trong từng năm.

Hai là, những hiệu ứng tốt của các hiệp định tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã tham gia, chuẩn bị có hiệu lực với các phương án tích cực

Ba là, Việt Nam và thế giới đã từng bước kiểm soát được đại dịch Covid-

19, kinh tế thế giới dự báo phục hồi mạnh trong thời gian tới

Bốn là, hệ thống thể chế phát triển của Việt Nam tiếp tục được hoàn thiện; hạ tầng kinh tế- xã hội được bổ sung, phát triển mới; kinh tế tư nhân, doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lớn mạnh hơn.

Năm là, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng được nâng lên, quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng hiệu lực, hiệu quả sau 40-50 năm đất nước đổi mới, từ 2025 trở đi.

2. Điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu

Từ những căn cứ trên đề xuất điều chỉnh một số chỉ tiêu về kinh tế, xã hội và môi trường

Thứ nhất, về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, xã hội và môi trường giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2045:

- Cần phân loại rõ hơn trong cơ cấu chỉ tiêu phát triển:*i*). Nhóm chỉ tiêu về *phát triển*, phản ánh khái quát tình hình phát triển trong từng giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045. *ii*). Nhóm chỉ tiêu về *chất lượng phát triển* của nền kinh tế, liên quan đến tính bao trùm, tính bền vững của nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của người

dân. *iii*). Nhóm chỉ tiêu về động lực phát triển, tập trung vào các vấn đề thể chế phát triển, môi trường kinh doanh, cơ sở hạ tầng, chất lượng đổi mới sáng tạo và nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Các nhóm chỉ tiêu về động lực cần bám sát các *khâu đột phá* trong từng giai đoạn 2030, 2045.

- Điều chỉnh tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2045: đề xuất chỉ tiêu tăng trưởng 2026-2030: *i*). Mức tăng trưởng kinh tế điều chỉnh từ 7-7,2%, thu nhập bình quân đầu đạt từ 7500-8000 USD. Phương án này cho thấy, nếu như giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng dự kiến từ 6,5-7%, nhưng do tác động của đại dịch Covid 19, năm 2021 dự kiến tăng trưởng dưới 6%. Hiện nay, kết thúc quý II/2021, tăng trưởng của Việt Nam chỉ đạt 5,64%, tuy nhiên diễn biến tình hình Covid hết sức phức tạp, đến đầu tháng 8/2021 số ca nhiễm đã đạt tới trên 150.000 ca, với trên 40 tỉnh, thành phố. Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và nhiều địa phương, vùng động lực kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề. Do vậy, các năm còn lại phải có tốc độ tăng trưởng cao hơn.

WB dự kiến năm 2022 Việt Nam sẽ tăng trưởng khoảng 6,7%, đây là mức tăng phù hợp. Từ năm 2023-2025, mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có thể đạt từ 6,7-7,2%. *ii*). Giai đoạn 2026-2030, theo tính toán mới, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam phải đạt từ 7-7,5%, tương ứng với các chỉ tiêu thành phần về, GDP theo đầu người khoảng 7500-8000 USD, cơ cấu kinh tế, đóng góp của kinh tế số, TFP, ICOR, năng suất lao động và tỷ lệ đô thị hóa, môi trường, tuổi thọ trung bình... *iii*). Giai đoạn 2030-2045, để đạt mục tiêu thu nhập bình quân theo đầu người 18000 USD, Việt Nam là nước phát triển thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng trưởng bình quân cả giai đoạn này phải đạt 7-7,5 %. Tương ứng với chỉ tiêu thu nhập theo đầu người có các chỉ tiêu về tuổi thọ trung bình, về môi trường kinh tế, xã hội, về chỉ số GINI, chỉ số hạnh phúc.

Thứ hai, bổ sung một số chỉ tiêu đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế đến 2045:

- Theo các phương án nêu trên, đến 2045 Việt Nam có mức thu nhập 18000 USD trở thành nước phát

triển, có thu nhập cao, đó là quá trình liên tục, thực hiện mô hình tổng quát phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước là quá trình liên tục, từ thấp đến cao, trong đó vấn đề phát triển bền vững, gắn kinh tế với xã hội là thuộc tính của mô hình này, đòi hỏi gắn ngay từ đầu, trong từng bước đi và từng chính sách phát triển.

- Tính định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện trong mối quan hệ đồng bộ giữa kinh tế, xã hội và môi trường, từ thấp đến cao trong nhiều nhiệm kỳ vừa qua, đặc biệt là các chỉ số về tuổi thọ, GINI, xóa đói giảm nghèo, các mục tiêu thiên niên kỷ so sánh Việt Nam với nhóm nước cùng trình độ.

- Tuy nhiên, đến 2030 và tầm nhìn đến 2045, các chỉ tiêu mang tính dẫn dắt về kinh tế, xã hội, môi trường và một số chỉ tiêu đặc thù khác cần được xác định mang tính ưu tiên, minh bạch và có tính hiện thực cao, nhóm nghiên cứu đề xuất bổ sung:

+ Mức độ hoàn thiện thể chế phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa

+ Chỉ tiêu về giảm mức độ tham nhũng hàng năm.

+ Chỉ tiêu về mức độ hài lòng của người dân ở một số dịch vụ công cơ bản

+ Chỉ số đánh giá mức tín nhiệm lãnh đạo Đảng, Nhà nước với 2 mức, tín nhiệm và không tín nhiệm, 2 năm một lần, có chế tài xử lý cụ thể.

+ Hoàn thiện chỉ số về tổ chức đảng, đảng viên trong sạch, vững mạnh, đảm bảo chất lượng

- Trong quá trình phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, cần giảm bớt các chỉ tiêu pháp lệnh về kinh tế; nhấn mạnh hơn một số chỉ tiêu đột phá, động lực như khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo, các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội, sự hài lòng của người dân.

KIẾN NGHỊ

1. Bộ Chính trị

- Ban hành chỉ thị về hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phục vụ mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa

- Giao cho các cơ quan tiếp tục nghiên cứu, làm rõ những tiêu chí mới, tiến bộ của nhân loại, nghiên cứu làm rõ hơn các đặc trưng, thuộc tính của

chế độ xã hội chủ nghĩa, cụ thể hóa thành các tiêu chí có thể đo lường được, làm cơ sở để xây dựng và thực hiện trong các giai đoạn phát triển của đất nước, đặc biệt là năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Đảng đoàn Quốc hội

- Hoàn thiện thể chế phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với các giai đoạn năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

- Quốc hội cần sửa đổi một số luật phù hợp với giai đoạn mới của đất nước, khi Việt Nam tham gia ngày càng nhiều Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

3. Ban cán sự Đảng Chính phủ

- Xem xét, điều chỉnh một số chỉ tiêu giai đoạn 2021-2030 và bổ sung một số chỉ tiêu định hướng đến 2045 như đề xuất nêu trên.

- Sớm có các giải pháp mới, phù hợp đảm bảo Việt Nam có miễn dịch cộng đồng, kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh, tạo tiền đề cho sự phát triển trong thời gian tới.

- Thực hiện tốt các nhóm giải pháp xây dựng và thực hiện hệ chỉ tiêu phát triển đất nước trong trạng thái bình thường mới ■

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÂN DÂN VÀ DỰA VÀO NHÂN DÂN ĐỂ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG



Cán bộ, chiến sĩ bộ đội Biên phòng hướng dẫn đồng bào miền núi chăm sóc lúa nước

_Ảnh: TTXVN

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, hình thành nên tư tưởng về dân vận, về

phát huy vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Trong bài “Dân vận” đăng trên báo Sự thật, ngày 15-10-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ”. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền lợi đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể (vào thời điểm này Đảng rút vào hoạt động bí mật, đoàn thể bao gồm các tổ chức đảng - người viết) từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng không chỉ là công việc của Đảng mà còn là công việc, trách nhiệm của nhân dân. Nhân dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng, là nguồn sức mạnh của Đảng; phục vụ nhân dân là mục tiêu, bản chất của Đảng. Phát

huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng là một nguyên tắc xây dựng Đảng.

Đảng ta đã coi trọng việc vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Đại hội XIII của Đảng

(2021) đã đánh giá và xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

1. Thực trạng việc phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng

Đại hội XIII đã đánh giá việc phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng Đảng, rút ra bài học kinh nghiệm về dân, trong đó nhấn mạnh thắt chặt mối quan hệ mật thiết với nhân dân,

dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

(1) Đại hội XIII đã khẳng định những ưu điểm: “Công tác dân vận được chú trọng và tiếp tục đổi mới;

Đảng ta đã coi trọng việc vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Đại hội XIII của Đảng (2021) đã đánh giá và xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

quan điểm “dân là gốc”, là chủ thể của công cuộc đổi mới được nhận thức và thực hiện ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn; mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân được củng cố, tăng cường. Nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và hệ thống chính trị được nâng cao, coi trọng và lắng nghe, nắm tình hình và giải quyết những nguyện vọng, kiến nghị hợp pháp, chính đáng, những vấn đề bức xúc của nhân dân; góp phần tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân và phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng”².

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định liên quan trực tiếp đến phát huy vai trò của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, như: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng và chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Nghị quyết

số 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016, của Bộ Chính trị, “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 3-6-2013, của Ban Chấp hành Trung ương, về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12-12-2013, của Bộ Chính trị, “Về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”; Kết luận số 120-KL/TW, ngày 7-1-2016, của Bộ Chính trị, về “Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở”; Quy định số 08-QĐi/TW, ngày 25-10-2018, của Ban Chấp hành Trung ương, về “Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên

Ban Chấp hành Trung ương; Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 18-2-2019, của Bộ Chính trị, “Về trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân”; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23-9-2019, của Bộ Chính trị, “Về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền”; Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 2-1-2020, của Bộ Chính trị, “Về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú”,...

Công tác tiếp dân và đối thoại với nhân dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền từng bước đi vào nề nếp. Các cấp ủy đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức hơn 90.000 hội nghị đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với nhân dân³.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp và nhân dân được đẩy mạnh và có chuyển biến tích cực: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam đã tổ chức 10 chương trình giám sát về các vấn đề, lĩnh vực có ý nghĩa cấp bách với toàn xã hội; phản biện một số văn bản quan trọng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh tổ chức 721 cuộc giám sát, 784 hoạt động phản biện; cấp huyện tổ chức 6.404 cuộc giám sát, 4.403 hoạt động phản biện và cấp xã tổ chức 49.564 cuộc giám sát, 25.834 hoạt động phản biện. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân đã có 32.064 ý kiến góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền⁴.

(2) *Đại hội XIII cũng chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm:* “Công tác dân vận có nơi, có lúc còn hạn chế; một số cấp ủy, tổ chức đảng còn xem nhẹ công tác dân vận; việc nắm, đánh giá, dự báo tình hình, nhất là ở những địa bàn phức tạp, chưa kịp thời, sâu sát, công tác vận động, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và trách nhiệm của nhân dân còn một số bất cập. Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tập

hợp, phát triển đoàn viên, hội viên; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân ở một số nơi chưa thường xuyên, hiệu quả còn thấp, nhất là giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên”⁵.

(3) Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, *Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng rút ra năm bài học kinh nghiệm, trong đó bài học thứ hai là bài học về dân*: “Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của

nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”⁶.

Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội XIII của Đảng cũng rút ra năm bài học kinh nghiệm, trong bài học thứ hai đã chỉ rõ: “Thường xuyên tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân và thật sự dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng”⁷.

2. Đại hội XIII đã đề cập đầy đủ hơn, toàn diện hơn, sâu sắc hơn về phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng

Vấn đề phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng được đề cập trong chủ đề Đại hội, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu phát triển, định hướng phát triển đất nước 10 năm 2021-2030; nhiệm vụ, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

Một là, phát huy vai trò của nhân dân là một thành tố trong chủ đề Đại hội

Trong chủ đề Đại hội XIII đã xác định: “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”⁸. Xác định như thế đã thể hiện Đảng ta tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh: “Có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”⁹. Người nhiều lần nhắc lại câu nói: “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”¹⁰.

Hai là, phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng là một nội dung trong mục tiêu tổng quát phát triển đất nước từ giữa thế kỷ XXI

Đại hội XIII xác định mục tiêu

tổng quát: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường

Vấn đề phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng được đề cập trong chủ đề Đại hội, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu phát triển đất nước 10 năm 2021-2030; nhiệm vụ, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; *phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở*

thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹¹.

Trong mục tiêu tổng quát trên, có mục tiêu “củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh

thời đại”. Thực hiện mục tiêu này cùng các mục tiêu khác để nhằm mục tiêu chung “đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Ba là, phát huy vai trò của nhân dân là một nội dung trong quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển đất nước và phương hướng xây dựng Đảng trong những năm tới

Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng đã nêu năm quan điểm chỉ đạo, trong đó quan điểm thứ hai về động lực phát triển đất nước: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy, đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước”¹².

Trong quan điểm chỉ đạo thứ năm về các nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp cách mạng nước ta có nhấn mạnh: cán bộ, đảng viên phải gắn bó mật thiết với nhân dân.

Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII nêu 12 định hướng phát triển đất nước 10 năm 2021-2030, liên quan trực tiếp đến phát huy vai trò của nhân dân, có những nội dung sau: “Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng của đất nước”¹³ (định hướng 5). “Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”¹⁴ (định hướng 9). “Tăng cường ... công tác dân vận của Đảng”¹⁵ (định hướng 11). Tiếp tục giữ vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn, trong đó có mối quan hệ “giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”¹⁶ (định hướng 12).

Phương hướng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng 5 năm tới nhấn mạnh: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng”¹⁷.

Bốn là, phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng trong những nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng những năm tới

Đại hội XIII đề ra 10 nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong 10 nhiệm vụ, giải pháp có nội dung về phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, nhưng tập trung ở nhiệm vụ, giải pháp thứ 8. Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Trong đó, đã nhấn mạnh những nội dung sau:

Thứ nhất, về nhận thức: Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, hệ thống

chính trị về công tác dân vận. Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan đảng, nhà nước và cả hệ thống chính trị; phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới.

Thứ hai, về yêu cầu của cán bộ đối với nhân dân và trách nhiệm thực hiện quy chế công tác dân vận: Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ thật sự “trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân”; thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”. Tăng cường phối hợp, thực hiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; hoàn thiện cơ chế và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

Thứ ba, về công tác dân vận của các cơ quan đảng, nhà nước và chính quyền các cấp: Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan đảng, nhà nước và chính quyền các cấp. Chú trọng công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc

thiếu số, đồng bào tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài. Chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác dân vận. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân; đa dạng hóa các hình thức tổ chức và phương thức tập hợp, vận động, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân, phù hợp với biến đổi cơ cấu xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, về thể chế đường lối, chủ trương của Đảng về công tác dân vận: Kịp thời thể

chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về công tác dân vận. Tiếp tục cụ thể hóa phương châm: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng. Lãnh đạo thể chế hóa Hiến pháp về quyền và nghĩa vụ

cơ bản của công dân nhằm phát huy cao nhất quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Nghiên cứu, ban hành cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ. Tích cực đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng về công tác dân vận.

Đại hội XIII bổ sung “dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đây là bước tiến về nhận thức, nhưng cần sớm cụ thể hóa để triển khai thực hiện trong thực tế. Điều 4 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Điều 2, Điều 3, Hiến pháp năm 2013 quy định: Nước Cộng hòa xã hội chủ

Đại hội XIII bổ sung “dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đây là bước tiến về nhận thức, nhưng cần sớm cụ thể hóa để triển khai thực hiện trong thực tế. Điều 4 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình.

nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Do đó, cần tiếp tục cụ thể hóa để triển khai thực hiện trong thực tế. Vấn đề dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng đã được đề ra từ lâu, nhưng cần có cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

Thứ năm, về công tác vận động nhân dân: Đổi mới và đẩy mạnh công tác vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm của công dân; đồng thời chống các biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức, mị dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân và quan tâm chăm lo đời sống của nhân dân. Thực hiện nghiêm, có hiệu quả các quy định về dân chủ ở cơ sở; công tác tiếp dân, đối thoại với nhân dân, giải quyết những kiến nghị hợp pháp, chính đáng của nhân dân

và xử lý kịp thời, dứt điểm các vấn đề bức xúc liên quan đến đời sống nhân dân, các vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài, không để hình thành các điểm nóng về an ninh, trật tự xã hội.

Năm là, phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng là một nội dung trong nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII

Đại hội XIII xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có ba nhiệm vụ trọng tâm để cập đến phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất nhấn mạnh “Củng cố niềm tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa”¹⁸. Nhiệm vụ trọng tâm thứ tư nêu “Khơi dậy, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện chính sách xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người, tạo bước chuyển biến mạnh

mẽ trong quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của nhân dân”¹⁹. Nhiệm vụ trọng tâm thứ năm nêu: “Hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân”²⁰.

Đại hội XIII xác định ba đột phá chiến lược, trong đó đột phá thứ hai về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đã

nêu “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”²¹.

Nhận thức đầy đủ, sâu sắc và thực hiện nghiêm túc việc phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng, chắc chắn sẽ góp phần xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh ■

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.232.

^{2, 3, 4, 5, 7, 17} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII*, t.II, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.201-202, 204, 205, 205-206, 226, 226.

^{6, 8, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.96-97, 57, 111-112, 110, 116, 117, 119, 200, 200, 202, 204.

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.280.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.45.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020

ĐỂ CÓ CƠ SỞ THỰC HIỆN THẮNG LỢI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

● TS ĐỖ ĐỨC HỒNG HÀ

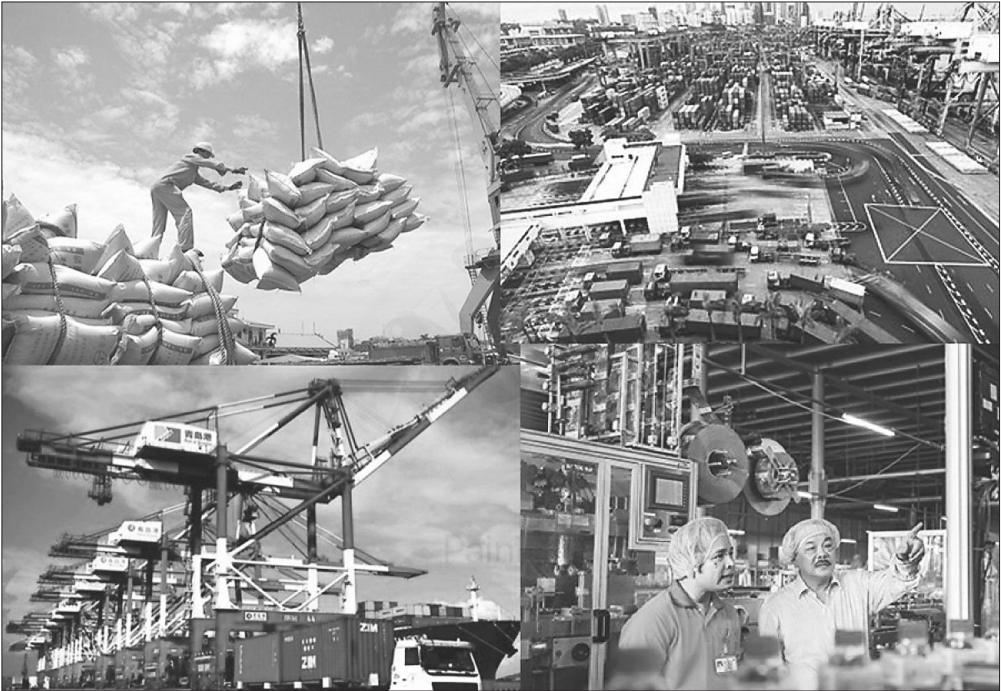
Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của Quốc hội khóa XV

1. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020

Sau 4 năm đầu thực hiện đạt và vượt nhiều chỉ tiêu kế hoạch, vào năm cuối giai đoạn kế hoạch, dịch bệnh Covid-19 chưa từng có trong nhiều thập kỷ bùng phát trên toàn cầu đã tác động nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Tuy nhiên, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự chung sức, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cộng đồng doanh nghiệp, nhất là trong năm 2020 vừa tập trung phòng, chống dịch bệnh, vừa duy trì, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 5

năm 2016-2020 đã thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra, về tổng thể đạt những thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật trên nhiều mặt của kinh tế - xã hội.

Công tác điều hành của Chính phủ tiếp tục có nhiều đổi mới, tập trung vào xử lý nhiều vấn đề kinh tế - xã hội khó khăn, thể hiện sự quyết liệt, năng động, nhất quán, sâu sát. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt; thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành được cắt giảm thực chất, tạo thuận lợi cho người dân,



Nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 5 năm 2016-2020 về tổng thể đạt những thành tựu rất quan trọng _ Ảnh: TL

doanh nghiệp. Kết quả xếp hạng môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam có sự cải thiện rõ rệt, được các tổ chức quốc tế uy tín ghi nhận và đánh giá cao.

Kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn; các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; lạm phát được kiểm soát trong phạm vi mục tiêu đề ra. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước GDP giai đoạn 2016-2019 đạt khá cao, bình quân 6,78%/năm; năm 2020 trong bối cảnh diễn biến phức tạp của

dịch bệnh Covid-19, nước ta là một trong số ít quốc gia có mức tăng trưởng dương. Xây dựng thể chế đạt nhiều kết quả tích cực, hệ thống pháp luật và cơ chế điều hành ngày càng đồng bộ, hoàn thiện và bao quát hơn, tạo nền tảng cần thiết để phát triển kinh tế số. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực, đúng hướng, thực chất hơn; mô hình tăng trưởng dần chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu, chất lượng tăng trưởng từng bước

được nâng lên. Thực hiện 3 đột phá chiến lược đạt một số kết quả tích cực; năng suất lao động tăng bình quân 5,89%/năm, cao hơn giai đoạn 2011-2015 (4,3%) và vượt mục tiêu đề ra (5%); đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đã có sự tiến bộ rõ rệt so với giai đoạn trước (45,72% so với mức bình quân 32,84% giai đoạn 2011-2015). Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch đúng hướng và tích cực, tỷ trọng của ngành khai khoáng giảm, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhanh, tiếp tục là động lực cho tăng trưởng. Cơ cấu ngành nông nghiệp thay đổi tích cực, kim ngạch xuất khẩu thủy sản, rau, hoa quả, đồ gỗ trong tổng kim ngạch ngày càng tăng; xây dựng nông thôn mới vượt mục tiêu đề ra trước thời hạn 02 năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân tăng 9,4%/năm.

Thu ngân sách nhà nước (NSNN) vượt kế hoạch; thu nội địa tích cực hơn, bằng khoảng 81,6% tổng thu NSNN, chiếm tỷ trọng cao hơn giai đoạn trước; việc cơ cấu lại NSNN cơ bản đạt được mục tiêu đề ra; bội chi ngân sách, các chỉ tiêu an toàn nợ được

quản lý, kiểm soát chặt chẽ, nằm trong giới hạn được Quốc hội phê chuẩn và giảm dần qua các năm; nợ xấu được xử lý, kiểm soát tốt, tỷ lệ nợ xấu nội bảng duy trì ở mức dưới 3%; một số địa phương có tỷ lệ chi đầu tư trên tổng chi cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 rất tích cực, cao hơn nhiều so với mức bình quân chung cả nước như của TP Hà Nội là 43,3%; tỉnh Quảng Ninh là 54,8%; tỉnh Vĩnh Phúc là 47,8%; TP Đà Nẵng là 44,2%; tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 49%... Phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa ngày càng chặt chẽ, có hiệu quả; cơ cấu tín dụng chuyển dịch tích cực, tập trung vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Lần đầu triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn với tổng mức vốn 2,2 triệu tỷ đồng, 11.100 dự án, giảm một nửa số dự án so với giai đoạn 2011-2015; thể chế pháp luật, giải ngân vốn và hiệu quả đầu tư công từng bước được cải thiện, đã đạt được kết quả khả quan. Cơ cấu đầu tư chuyển dịch tích cực, tỷ trọng đầu tư của khu vực ngoài nhà nước tăng nhanh (38,7% năm 2015 lên 44,9% năm 2020); vốn đăng

ký và thực hiện từ nguồn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) tăng mạnh so với trước.

Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt kỷ lục, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 1,7 lần, giảm xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến; xuất siêu 5 năm liên tiếp và đạt mức cao nhất từ trước đến nay; thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng và đa dạng. Thương mại trong nước ngày càng được cải thiện, đặc biệt hệ thống bán buôn, bán lẻ; đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các khu công nghiệp, khu chế xuất tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện. Công tác quản lý thị trường được triển khai quyết liệt; công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng bước đầu được nâng lên; Việt Nam đã trở thành một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất toàn cầu.

Hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân có bước phát triển; bước đầu hình thành một số tập đoàn kinh tế quy mô lớn có tiềm lực mạnh và khả năng cạnh tranh cao; các lĩnh

vực khoa học và công nghệ, lao động, việc làm đạt một số kết quả nhất định. Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động cả nước giảm mạnh từ 41,6% năm 2016 xuống 33,1% năm 2020; tỷ lệ lao động qua đào tạo được cải thiện. Pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước, về cán bộ, công chức, viên chức, cơ chế đặc thù đối với chính quyền đô thị tại một số địa phương đã được hoàn thiện và triển khai thực hiện. Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được nhiều kết quả quan trọng; khoảng cách bất bình đẳng giới trên tất cả các mặt được thu hẹp dần; chính sách, chế độ ưu đãi với người có công được xây dựng và thực hiện tương đối toàn diện; an sinh xã hội tiếp tục được bảo đảm; giảm nghèo đi vào thực chất hơn với các hoạt động thiết thực, chuyển từ cách tiếp cận đơn chiều sang đa chiều, tập trung vào nhóm, hộ nghèo nhất, bảo đảm “không để ai bị bỏ lại phía sau”¹. Đời sống Nhân dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng 8,5%/năm trong giai đoạn 2016-2019. Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng qua các năm; chất lượng dân số từng bước được cải thiện.

Hệ thống chính sách dân tộc được hoàn thiện, đầy đủ hơn, bao phủ toàn diện các lĩnh vực. Công tác người cao tuổi; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo; phúc lợi xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân tiếp tục được nâng lên; phong trào thể dục thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao cũng như hoạt động thể thao dành cho người khuyết tật được đẩy mạnh, đạt một số thành tích tốt. Hệ thống các quy định pháp luật về giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung từng bước hoàn thiện; bước đầu thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hoá đối với một số cơ sở giáo dục - đào tạo; chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông đã được quan tâm hơn. Hoạt động y tế cơ sở có tiến bộ, y tế dự phòng được tăng cường, số giường bệnh trên 1 vạn dân vượt mục tiêu đề ra (đạt 28 giường vào năm 2020); tình trạng quá tải bệnh viện tuyến trên phần nào được khắc phục; y tế tư nhân phát triển cả về số lượng và quy mô; công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 hiệu quả, được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi

trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu có nhiều chuyển biến. Cải cách hành chính được thực hiện quyết liệt. Bộ máy quản lý nhà nước được kiện toàn, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; tinh giản biên chế được chú trọng và đạt mục tiêu đề ra. Công tác thanh tra, kiểm tra và phòng, chống tham nhũng tiêu cực, lãng phí được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm hơn, xử lý kịp thời nhiều vụ việc tồn đọng kéo dài. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; tham mưu tốt hơn các vấn đề chiến lược, kết hợp hiệu quả hơn với phát triển kinh tế - xã hội; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh, đi vào chiều sâu, thực chất hơn; quan hệ với các đối tác tiếp tục được mở rộng, ký kết và triển khai nhiều hiệp định thương mại tự do quan trọng.

Hệ thống thông tin nền tảng của Chính phủ điện tử được xây dựng và vận hành; tăng cường áp dụng và cải cách mạnh mẽ việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử,

đổi mới lề lối làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước và công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

Cải cách tư pháp đã được thực hiện khá đồng bộ, kịp thời. Nhiều vụ vi phạm pháp luật và tội phạm đã được phát hiện, điều tra và xử lý nghiêm; một số vụ án tham nhũng, kinh tế lớn nghiêm trọng, phức tạp, gây thất thoát tài sản của Nhà nước, liên quan đến một số cán bộ cấp cao được phát hiện và đưa ra xét xử, nhận được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân.

2. Hạn chế trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020

Trong Báo cáo số 241/BC-CP ngày 16 tháng 7 năm 2021, Chính phủ đã chỉ rõ những hạn chế trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, đó là:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong nhiệm kỳ chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, chủ yếu do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức chống chịu và cạnh tranh, tính độc lập tự chủ của nền kinh tế chưa cao, chưa thực sự

dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng chưa có bước phá lớn; việc huy động và sử dụng nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông hiệu quả chưa cao, trong đó theo phương thức đối tác công tư còn tồn tại, hạn chế. Nền kinh tế vẫn còn phụ thuộc nhiều vào bên ngoài; chưa quan tâm đúng mức đến chuỗi giá trị và cung ứng trong nước.

Đầu tư công có nhiều tiến bộ, nhưng còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng yếu kém, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, sắp xếp, xử lý 12 dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả và cơ cấu lại Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC), cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu.

Liên kết vùng còn lỏng lẻo, thể chế phát triển vùng còn nhiều vướng mắc. Kinh tế tư nhân đã đóng vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế, nhưng phát triển còn nhiều khó khăn. Liên kết giữa khu vực kinh tế trong nước và nước ngoài còn chưa chặt chẽ, hiệu quả.

Kết quả thực hiện 3 đột phá chiến

lược chưa đạt được mục tiêu đề ra. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn một số mặt chưa đầy đủ, đồng bộ. Nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng cho chuyển đổi số quốc gia và thích ứng với biến đổi khí hậu phát triển chậm.

Kết quả giảm nghèo đa chiều chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, nhất là do tác động của đại dịch. Chất lượng và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản còn có sự chênh lệch lớn giữa các vùng, miền. Phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam chưa tương xứng với phát triển kinh tế.

Quản lý nhà nước về văn hoá, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, thông tin truyền thông còn sơ hở, bất cập. Chất lượng môi trường nhiều nơi suy giảm, nhất là tại các đô thị, khu công nghiệp, làng nghề. Bộ máy nhà nước ở một số nơi còn công kênh, chông chéo; phân công, phối hợp, phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát chưa thực sự hợp lý, hiệu quả.

Bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn nhiều thách thức; việc kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc

phòng, an ninh ở một số địa phương, đơn vị hiệu quả chưa cao, còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở một số địa bàn chưa thật vững chắc. Chưa tận dụng, khai thác tối đa, hiệu quả những cơ hội trong hội nhập quốc tế. 4/9 chỉ tiêu được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 142/2016/QH13 không đạt².

3. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020

Trong Báo cáo số 241/BC-CP ngày 16 tháng 7 năm 2021, Chính phủ cũng chỉ ra nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế về khách quan và chủ quan, trong đó chủ yếu là 4 nguyên nhân chủ quan về nhận thức; về cơ chế, chính sách; về nguồn lực thực hiện và về tổ chức triển khai, cụ thể là:

Về nhận thức: Tư duy, nhận thức một số vấn đề về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn chưa sâu sắc, thống nhất và theo kịp thực tiễn, nhất là quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, sở hữu đất đai, phân bổ nguồn lực, vai trò của doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể, hợp

tác xã, tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập,... Tư duy trong xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư chậm được đổi mới, sức ì còn lớn. Phẩm chất, năng lực, uy tín của một bộ phận cán bộ, nhất là người đứng đầu ở một số cấp, ngành chưa thực sự ngang tầm nhiệm vụ. Chưa thống nhất trong nhận thức và hành động về hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và về việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh, phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường.

Về cơ chế, chính sách: Một số cơ chế, chính sách còn bất cập; quy định pháp luật chưa đồng bộ, thống nhất còn chông chéo và không còn phù hợp với thực tiễn nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung. Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả chưa cao.

Về nguồn lực thực hiện: cân đối và huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là nguồn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp trong khi phải thực hiện đồng thời rất nhiều mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.

Về tổ chức triển khai: Công tác tổ chức thực hiện, chỉ đạo, điều hành một số mặt còn chưa quyết liệt; phản ứng chính sách có mặt còn chậm; phương thức lãnh đạo, quản lý kinh tế, xã hội trong thực tiễn nhiều nơi, nhiều lĩnh vực chưa thật phù hợp, hiệu lực, hiệu quả chưa cao; còn có biểu hiện “cơ chế xin - cho” “tư duy nhiệm kỳ”, “lợi ích nhóm”. Công tác triển khai và phối hợp giữa các ngành, các cấp có lúc, có nơi còn yếu kém, chưa chặt chẽ, hiệu quả, vẫn còn tình trạng đùn đẩy, né tránh dẫn đến việc thống nhất, đồng thuận trong giải quyết các vụ việc chưa cao. Chưa có sự gắn kết giữa công tác xây dựng kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực với yêu cầu về bảo đảm cân đối nguồn lực để thực hiện. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ; công tác phân tích, dự báo còn hạn chế, nhất là dự báo về thị trường và giá cả. Công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và tổng kết thực tiễn chưa được tiến hành một cách căn cơ, bài bản, thiết thực và kịp thời. Công tác chọn lọc, bồi dưỡng, đào tạo, quy hoạch cán bộ còn thiếu sót, công tác xử lý cán bộ sai phạm chưa nghiêm cũng như biểu dương, khen thưởng những gương

người tốt, việc tốt chưa kịp thời. Việc đánh giá và quản lý cán bộ còn bất cập; phẩm chất, năng lực, uy tín, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, nhất là người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự ngang tầm nhiệm vụ. Một số dự án thua lỗ, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước yếu kém, tồn đọng kéo dài chậm được xử lý. Công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc thực hiện trong thực thi công vụ ở một số cơ quan, đơn vị còn chưa nghiêm, nhất là ở cấp cơ sở. Tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục.

4. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Trên cơ sở những hạn chế và nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Báo cáo số 241/BC-CP ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ đã đưa ra 12 nhóm nhiệm vụ và giải pháp khắc phục những hạn chế, đó là:

Tập trung thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, nhưng căn cứ vào tình hình thực tế và

địa bàn cụ thể để lựa chọn ưu tiên; bảo đảm sức khỏe, tính mạng của nhân dân và an sinh xã hội.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn; kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế số, xã hội số.

Tăng cường huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế.

Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông (đường bộ cao tốc, đường hàng không, đường sắt, đường thủy) ở các vùng kinh tế trọng điểm và những vùng còn khó khăn; phát triển đô thị.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa

học, công nghệ.

Thúc đẩy phát triển, liên kết vùng và khu kinh tế.

Phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội.

Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, hạn chế tác động của thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thông qua xây dựng và thực thi pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo.

Phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng.

Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, tạo môi

trường hoà bình và điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước.

5. Đề xuất, kiến nghị nhiệm vụ và giải pháp thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Theo Chính phủ và tôi cũng đồng tình với Chính phủ, nguyên nhân chủ quan chủ yếu của những hạn chế nêu trên chính là phẩm chất, năng lực và uy tín của người đứng đầu chưa thực sự ngang tầm nhiệm vụ; trách nhiệm, vai trò là gốc của mọi công việc của người đứng đầu chưa được phát huy. Tuy nhiên, trong Báo cáo số 241/BC-CP ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, nhiệm vụ và giải pháp để khắc phục nguyên nhân chủ quan chủ yếu này lại rất mờ nhạt, chỉ là: “*Đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, cá thể hóa trách nhiệm thực thi công vụ đi đôi với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực... Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán*

bộ, viên chức... Tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở tất cả các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, đề cao trách nhiệm người đứng đầu”.

Để thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, đề nghị Chính phủ bổ sung, làm rõ và cụ thể nhiệm vụ và giải pháp để khắc phục nguyên nhân chủ quan này theo hướng:

Một là, chú trọng xây dựng quy hoạch cán bộ, nhất là người đứng đầu. Bởi lẽ quy hoạch cán bộ là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ, bảo đảm cho công tác cán bộ đi vào nề nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Chú trọng tạo được nguồn cán bộ dồi dào, đủ tiêu chuẩn để kịp thời đáp ứng yêu cầu, tập trung vào cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân các cấp, cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang, cán bộ khoa học và chuyên gia, cán bộ quản lý kinh doanh. Định kỳ kiểm tra, tổng kết và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ.

Hai là, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là người đứng đầu. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối

với từng loại cán bộ. Mở rộng diện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị và tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế. Đặc biệt chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp từ Trung ương đến cơ sở; cán bộ khoa học đầu ngành; cán bộ quản lý kinh doanh các doanh nghiệp lớn. Chú trọng bồi dưỡng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chi Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các kiến thức về lịch sử, địa lý, văn hóa...

Ba là, xây dựng và hoàn thiện các quy chế công tác cán bộ. Việc đánh giá cán bộ phải làm hàng năm, trước khi kết thúc nhiệm kỳ, hoặc chuyển công tác, căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ, hiệu quả công việc thực tế, có tính đến môi trường, điều kiện công tác, mức độ tin nhiệm của nhân dân. Thực hiện chế độ dân chủ, công khai trong việc tuyển chọn cán bộ, bảo đảm tuyển chọn đúng những người có đủ tiêu chuẩn theo từng chức danh. Xây dựng và thực hiện các quy trình tuyển chọn, bổ nhiệm một cách chặt chẽ. Các tổ chức cơ quan có nhu cầu tuyển chọn cán bộ công bố công khai nhu cầu, đối tượng, tiêu

chuẩn cán bộ cần tuyển. Kết quả sát hạch, thi tuyển là một căn cứ chủ yếu để ra quyết định tuyển dụng cán bộ.

Bốn là, thận trọng, công minh trong bổ nhiệm, miễn nhiệm và luân chuyển cán bộ, nhất là người đứng đầu. Thực hiện chế độ bổ nhiệm có thời hạn. Hết thời hạn giữ chức vụ, cấp có thẩm quyền căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ và các yêu cầu công tác để xem xét quyết định có tiếp tục bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ đó nữa hay không. Cán bộ đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cùng với tập thể lãnh đạo đào tạo, bồi dưỡng người kế nhiệm. Căn cứ vào đặc điểm từng vùng, từng ngành, từng cấp, nhu cầu công tác và năng lực, sở trường cán bộ, cấp uỷ đảng lập quy hoạch, kế hoạch luân chuyển cán bộ theo một quy trình chặt chẽ và có chế độ, chính sách thích hợp.

Năm là, bảo đảm và tạo điều kiện cho nhân dân tham gia xây dựng và giám sát cán bộ, nhất là người đứng đầu; hoàn thiện chế độ kiểm tra cán bộ. Có cơ chế để nhân dân phát hiện, tiến cử những người có đức, có tài cho các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước và đoàn thể; lựa chọn, bầu cử những người lãnh đạo trực tiếp của mình.

Nhân dân giám sát các công việc và phẩm chất của cán bộ, trước hết là những cán bộ có quan hệ trực tiếp với mình; biểu dương cán bộ tốt, phát hiện, đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, quan liêu, tham nhũng...

Sáu là, đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính sách cán bộ, nhất là chính sách đào tạo và bồi dưỡng cán bộ; chính sách sử dụng và quản lý cán bộ; chính sách bảo đảm lợi ích vật chất và động viên tinh thần cho cán bộ là người đứng đầu. Đầu tư thích đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng những người ưu tú trở thành cán bộ chủ chốt. Có chế độ quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ. Tinh giản biên chế, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả lao động, chống tham nhũng, lãng phí, mở rộng bảo hiểm xã hội, tăng tỉ lệ động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách Nhà nước, đổi mới cơ bản chính sách bảo đảm lợi ích vật chất cho từng loại cán bộ, trước hết là chế độ tiền lương, nhà ở và phương tiện đi lại.

Bảy là, đổi mới và chỉnh đốn tổ chức bộ máy làm công tác cán bộ. Các cấp uỷ, tổ chức đảng và chính quyền địa phương phải chăm lo xây dựng, đổi mới và chức và đội ngũ cán bộ làm

công tác cán bộ. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của các cơ quan làm công tác cán bộ. Khắc phục tình trạng chồng chéo, phân tán, không rõ trách nhiệm, không nắm chắc cán bộ. Nâng cao phẩm chất, trình độ kiến thức và năng lực của đội ngũ làm công tác cán bộ.

Tám là, tập trung rà soát, bổ sung, xây dựng mới và chỉ đạo quyết liệt hệ thống các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để

nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách nhất.

Chín là, tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các ban đảng ở Trung ương và nhất là chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng về công tác cán bộ tại Hội nghị toàn quốc về công tác cán bộ ngày 23/4/2020, phải xác định công tác cán bộ là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là nhiệm vụ “then chốt” của “then chốt”, có liên quan đến sự sống còn của Đảng, vận mệnh của chế độ, sự phát triển, vững mạnh của đất nước ■

¹ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của cả nước đã giảm từ 9,88% cuối năm 2015 xuống còn 3,75% cuối năm 2019 và giảm còn 2,75% vào cuối năm 2020, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 giảm 1,43%/năm. Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường.

² 4/9 chỉ tiêu về kinh tế không đạt, đó là: (i) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm; (ii) GDP bình quân đầu người đến năm cuối kỳ; (iii) Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP đến năm cuối kỳ (theo giá sản xuất); (iv) Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân.



MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ GÓP PHẦN PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

● TS NGUYỄN HỒNG SƠN

Thư ký khoa học, Chánh Văn phòng Hội đồng Lý luận Trung ương

Từ xa xưa, tư tưởng học thuyết nho giáo của Khổng Tử là “Làm gì muốn thành công cũng phải có chính danh (lẽ phải), phải biết chọn người hiền tài giúp việc, phải thu phục lòng người, phải đúng đạo và *phải tiết kiệm*”.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tiết kiệm là “không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”. Tiết kiệm không phải là bủn xỉn, không phải là “xem đồng tiền to bằng cái nống”, “gặp việc đáng làm cũng không làm, đáng tiêu không tiêu”. Nói theo lối khoa học, thì tiết kiệm là tích cực, chứ không phải là tiêu cực. Theo Người, tất cả mọi

người đều phải tiết kiệm, tiết kiệm là chi tiêu, sử dụng có kế hoạch, có tính toán, xem xét đầy đủ các yếu tố, giảm bớt hao phí trong sử dụng tiền của, thời gian, công sức, nhưng vẫn đạt được mục tiêu xác định”.

Đi đôi với *thực hành tiết kiệm là chống lãng phí* và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ *tác hại của nạn lãng phí*, đó là: “Tham ô có hại, nhưng lãng phí có khi còn hại hơn nhiều, nó tai hại hơn tham ô vì lãng phí rất phổ biến...”. Người nhiều lần nhấn mạnh: Lãng phí không phải chỉ là tiêu tốn tiền của, mồ hôi nước mắt của Nhân dân, mà nguy hiểm hơn là *tham ô, lãng phí và quan*

liều là thứ “giặc nội xâm” nguy hiểm, làm tha hóa, suy thoái đạo đức cách mạng, phá hoại tinh thần trong sạch, ý chí vượt khó của cán bộ, đảng viên, là nguy cơ đe dọa trực tiếp đến an nguy quốc gia và sự tồn vong của chế độ”.

1. Tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian vừa qua

Tiết kiệm, chống lãng phí đã được Hiến pháp năm 2013 quy định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng trong hoạt động kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước”.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh “những kết quả cụ thể, rõ rệt” khi đề cập đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chỉ rõ: “Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí... chưa có chuyển biến rõ rệt... phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí vẫn còn hạn chế... Tham nhũng, lãng phí... vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp... ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội.”

Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020

Năm 2020, trong bối cảnh nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn do thiên tai, dịch bệnh,

việc triển khai, thực hiện quyết liệt, hiệu quả quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các nhiệm vụ, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đề ra trong Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và các nghị quyết của Chính phủ đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội (KTXH), góp phần quan trọng cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KTXH, kiểm soát và hạn chế được tác động của dịch bệnh, cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát và nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đã đề ra (có 10/12 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; 02/12 chỉ tiêu không đạt kế hoạch. Nhiều bộ, cơ quan ở trung ương, địa phương, doanh nghiệp nhà nước báo cáo có đạt kết quả tốt trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai chủ động, kịp thời, tạo tiền đề thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện. Việc xây dựng pháp luật, định mức, tiêu chuẩn, chế độ được triển khai tích cực, góp phần xác lập cơ sở pháp

lý hoàn thiện hơn cho công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) được chú trọng; quản lý chặt chẽ nguồn thu, nhiều nội dung chi được tiết giảm, ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ quan trọng. Việc mua sắm, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước; quản lý sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ và công trình phúc lợi công cộng tiếp tục được cải thiện. Đất đai, tài nguyên khoáng sản từng bước được quản lý, khai thác, sử dụng chặt chẽ, hiệu quả, góp phần chống thất thoát, lãng phí. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại doanh nghiệp nhà nước đã có nhiều đổi mới, góp phần quan trọng vào việc đóng góp cho NSNN và nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt, tiêu dùng của nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực.

Bên cạnh kết quả đã đạt được, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 vẫn còn những yếu kém cần khắc phục, như: (1) Vẫn còn hiện

tượng chưa tuân thủ nghiêm quy định về thời hạn lập, gửi Chương trình và Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chất lượng báo cáo còn bất cập. (2) Việc xây dựng pháp luật, định mức, tiêu chuẩn, chế độ và cải cách thủ tục hành chính chưa thực sự đáp ứng yêu cầu đặt ra. (3) Việc quản lý, sử dụng NSNN còn một số bất cập, gây lãng phí. (4) Việc mua sắm, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc của một số cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước còn chưa tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành; việc quản lý, sử dụng trang thiết bị làm việc, nhà đất công còn lãng phí. (5) Triển khai một số quy trình, thủ tục trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản còn chậm; vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản còn nhiều. (6) Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản công tại một số doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chưa đúng tiến độ. (7) Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tiêu dùng của nhân dân và một số lĩnh vực khác còn một số hạn chế, bất cập...

Hạn chế trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ quan là chủ yếu và đó cũng là những vấn đề đặt ra hiện nay: (1) công tác triển khai chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại một số bộ, ngành, địa phương chậm; (2) việc xác định, xử lý trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị vi phạm Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa hiệu quả; (3) nhận thức việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của một bộ phận cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp còn hạn chế,...

Nhiệm vụ, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV; năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025. Chính phủ xác định phương châm hành động của năm 2021 là “Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khát vọng phát triển”; đề ra trọng

tâm chỉ đạo, điều hành năm 2021 là tiếp tục thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19, chăm lo đời sống và bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển KTXH trong trạng thái bình thường mới; phát triển nông nghiệp là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực, phát huy vai trò động lực tăng trưởng của các ngành chế biến, chế tạo; tháo gỡ khó khăn, khôi phục các hoạt động dịch vụ,... để phục hồi và tạo đà tăng trưởng kinh tế cao; tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm, cấp bách; phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn, thúc đẩy liên kết vùng; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện và phát triển nền kinh tế số, xây dựng xã hội số; phát triển nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi để khơi thông các nguồn lực cho phát triển; làm tốt công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội; đẩy mạnh các hoạt

động đối ngoại và hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2276/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, với mục tiêu thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi lĩnh vực của đời sống KTXH, góp phần tạo nguồn lực để phòng, chống và khắc phục hậu quả của dịch bệnh Covid-19, thiên tai, biến đổi khí hậu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; tạo đà khôi phục và phát triển kinh tế đất nước, đảm bảo hoàn thành kế hoạch phát triển KTXH năm 2021. Những nội dung chủ yếu của Chương trình như sau:

Nhiệm vụ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021

Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm trật tự xã hội, phát triển kinh tế, phấn đấu đạt các mục tiêu KTXH được Quốc hội thông qua, với tổng sản phẩm quốc

nội (GDP) tăng khoảng 6%, bình quân GDP đầu người khoảng 3.700 USD.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính NSNN, mở rộng cơ sở thuế, tăng cường quản lý thu, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế; kiểm soát chặt chẽ bội chi NSNN. Tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; công khai, minh bạch, thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, kém hiệu quả; ưu tiên các khoản chi theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong năm 2021.

Việc thực hiện huy động, quản lý và sử dụng vốn vay phải gắn với việc cơ cấu lại đầu tư công và định hướng trong từng thời kỳ. Rà soát chặt chẽ kế hoạch sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, bố trí dự toán chi NSNN từ nguồn vốn trên cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ và khả năng đáp ứng nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng, năng lực của chủ đầu tư. Không bố trí vốn vay cho các nhiệm vụ chi thường

xuyên. Tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển; phấn đấu huy động tổng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 45 - 47%.

Đẩy mạnh kế hoạch giải ngân gắn với sử dụng vốn đầu tư công có hiệu quả để kích thích sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, tạo việc làm và bảo đảm an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng KTXH, nâng cao sức cạnh tranh, hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội khác.

Quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, phát huy nguồn lực nhằm tái tạo tài sản và phát triển KTXH, giảm thiểu rủi ro tài khóa.

Tiếp tục thực hiện cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, tránh chồng chéo, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt

động hiệu lực, hiệu quả, giữ vai trò chủ đạo trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao.

Giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cho từng lĩnh vực gắn với công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên; phân công rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; đưa kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là tiêu chí đánh giá trong công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở tất cả các hoạt động, đối với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những

gương điển hình trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí theo thẩm quyền.

Tăng cường công tác tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các lĩnh vực, trong đó tập trung vào một số nội dung sau: (1) Tổ chức điều hành dự toán NSNN chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách; cải cách công tác kiểm soát chi NSNN theo hướng thống nhất quy trình, tập trung đầu mối kiểm soát và thanh toán các khoản chi NSNN gắn với việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị liên quan. Quản lý chi NSNN trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; triệt để tiết kiệm toàn diện trên các nội dung chi, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. (2) Phổ biến, tuyên truyền và triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Quản lý nợ công; quản lý, giám sát hiệu quả sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay ODA, vay ưu đãi từ các nhà tài trợ; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án để giảm thiểu chi phí vay. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong nợ

công để phục vụ công tác quản lý. (3) Hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công và nâng cấp Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công; xây dựng Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công để thực hiện các giao dịch về tài sản đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác quản lý, xử lý tài sản công. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng theo thẩm quyền. (4) Tăng cường vai trò các cơ quan quản lý nhà nước ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, xây dựng kế hoạch, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực và thực hiện của dự án. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư của các dự án, nhất là các dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia có tác động lan tỏa góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu; công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công. Phân bổ vốn đầu tư công phải đảm bảo thời gian theo quy định; rà soát, tháo gỡ kịp thời các rào cản khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi đẩy

nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công. (5) Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh phân cấp và giao quyền chủ động cho các đơn vị sự nghiệp. Đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát NSNN và phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu của xã hội. (6) Đẩy mạnh rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính ngoài NSNN; cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể đối với các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu. (7) Tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất đai đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện điều tiết một cách hợp lý giá trị tăng thêm từ đất do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng đem lại. Khai thác quỹ đất đai bên đường khi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ một cách hiệu quả, tiết kiệm. (8) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ quá

trình sắp xếp, cổ phần hóa, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp nhằm cắt giảm triệt để các chi phí bất hợp lý theo quy định pháp luật về kinh doanh. Ban hành quy định hướng dẫn việc quản lý và sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. (9) Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo Nghị quyết số 18/NQ-TW, Nghị quyết số 19/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII. Khẩn trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức. Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ và trong bổ nhiệm, đề bạt tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức để thu hút được người có năng lực, trình độ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đẩy mạnh thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chú trọng thực hiện công

khai việc sử dụng NSNN và các nguồn tài chính được giao, công khai thông tin về nợ công và các nội dung đầu tư công theo quy định pháp luật. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức, đoàn thể trong mỗi cơ quan, đơn vị để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung một số nội dung, lĩnh vực trọng điểm như: quản lý, sử dụng đất đai; các dự án đầu tư công; quản lý, sử dụng tài sản công, trụ sở làm việc, nhà công vụ; mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, thiết bị làm việc, thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh do NSNN cấp kinh phí; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng và khai thác tài nguyên, khoáng sản. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân để xảy ra lãng phí.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính

còn chồng chéo, vướng mắc, không cần thiết; hiện đại hóa quản lý hành chính, hoàn thiện, đẩy mạnh hoạt động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư; gắn thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể để thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Đề xuất, kiến nghị

Bên cạnh việc tập trung chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt các mục tiêu, giải pháp đã đề ra cần lưu ý một số nội dung sau:

- *Về nguyên nhân dẫn đến bất cập, hạn chế và khó khăn hiện nay:* Cần tổng kết, đánh giá rõ hơn các nguyên nhân chủ quan dẫn đến bất cập, hạn chế và khó khăn để có cơ sở đề xuất các giải pháp cụ thể để khắc phục sớm, góp phần nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- *Về việc tổng hợp, xây dựng Báo cáo:* Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm cần được rà soát, đối chiếu với quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí và Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí do Chính phủ ban hành để đánh giá, so sánh, làm rõ kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với từng lĩnh vực theo từng chỉ tiêu, bảo đảm tính đầy đủ, bao quát, toàn diện; các nhận định, đánh giá phải được thể hiện qua các số liệu, dẫn chứng cụ thể, phải nêu rõ các bộ, ngành, địa phương thực hiện chưa tốt để chấn chỉnh, khắc phục.

- *Về công tác tuyên truyền:* Tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân về vai trò quan trọng của thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- *Về việc rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách:* Tiếp tục chỉ đạo, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, đơn giá còn thiếu, chưa phù hợp với thực tiễn. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến các nút thắt, điểm nghẽn hoặc chưa hướng dẫn cụ thể, chi tiết dẫn

đến thực hiện còn lúng túng, xảy ra sai phạm trong công tác quy hoạch, đầu tư (đầu tư công, PPP, đầu tư tư nhân,...); trong giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu dịch vụ công, mua sắm công; trong việc triển khai các dự BT dở dang được tiếp tục thực hiện; trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Đồng thời cần xây dựng cơ chế trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- *Về cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy:* Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác của bộ máy hành chính. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập; rà soát, đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế khoán, quản lý theo kết quả đầu ra đối với một số lĩnh vực; ban hành đầy đủ, phù hợp thực tiễn khuôn khổ pháp lý để thực hiện tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, giảm thủ tục phiền hà, tiết kiệm và mang lại sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp.

- *Về cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp*: Đẩy nhanh hơn nữa quá trình cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước, sắp xếp lại theo hướng tiếp tục giảm các DNNN ở những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mà các thành phần kinh tế ngoài nhà nước hoạt động hiệu quả hơn. Hoàn thiện cơ chế chính sách phục vụ quá trình cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN giai đoạn tới. Xử lý nghiêm trách nhiệm các tổ chức, cá nhân người đứng đầu chậm triển khai quá trình cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước.

- *Về quản lý, sử dụng NSNN*: Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại NSNN; siết chặt kỷ cương - kỷ luật tài chính, đề cao vai trò người đứng đầu, thực hiện tốt chính sách tài khóa, kiểm soát chặt chẽ bội chi; có giải pháp hiệu quả để khắc phục việc giao vốn, giải ngân vốn đầu tư công chậm; phối hợp chặt chẽ chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả cơ chế sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi trong Kho bạc nhà nước với phát hành trái phiếu, tiền gửi của NSNN tại Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại; rà soát lại việc tiếp tục phát hành trái phiếu, vay vốn

trong khi tiến độ giải ngân chậm, tỷ lệ giải ngân vốn thấp; làm rõ trách nhiệm, có chế tài để xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm.

- *Về công tác thanh tra, kiểm tra*: Tăng cường thanh tra, kiểm tra để đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công, ngân sách nhà nước, báo cáo về tình hình thực hiện giải pháp tháo gỡ khó khăn trong việc phòng chống Covid-19 đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, tránh tình trạng lợi dụng chính sách đồng thời vẫn đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế. Đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ để nâng cao sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- *Về quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản*: Tập trung triển khai các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng lãng phí, bất cập trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, sử dụng lao động, sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân. Rà soát, thống kê lại diện tích đất nông nghiệp để hoang hóa đất chưa sử dụng, đất đai sử dụng không

đúng mục đích, các dự án treo,... để nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đối với nguồn tài nguyên đất đai.

- Về xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương, đơn vị trong việc không gửi, chậm gửi Chương trình, Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Về giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021: Chính phủ cần bổ sung thêm:

Một là, nhóm giải pháp thể chế hóa Nghị quyết Đại hội XIII, các văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là: (1) Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; (2) Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác

bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; (3) Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

Hai là, nhóm giải pháp khắc phục tình trạng đối tượng phạm tội gây thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước bỏ trốn. Người phạm tội bỏ trốn trước hết là gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án, người phạm tội không bị trừng phạt và những tài sản bị thất thoát do tham nhũng, do phạm tội mà có, không thể thu hồi được. Theo Bộ Công an, tính đến tháng 5/2019, Việt Nam hiện có hơn 1.200 người phạm tội bỏ trốn ra nước ngoài, trong đó có 235 người đã bị Interpol ra lệnh truy nã đỏ, nhiều nghi can phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy, ngăn chặn tội phạm trốn ra nước ngoài là vấn đề lớn hiện nay đặt ra cho công tác phòng chống tội phạm nói chung, tội phạm tham nhũng, lãng phí nói riêng.

Ba là, nhóm giải pháp kết hợp đồng bộ công tác phòng, chống tham

những với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tránh việc lợi dụng lãng phí để tham nhũng và cũng tránh tham nhũng gây ra lãng phí. Tăng cường công tác kiến nghị phòng ngừa, ngăn chặn, thu hồi tài sản bị thất thoát, bị thiệt hại. Chủ động, tập trung xác minh, truy tìm và triển khai có hiệu quả các biện pháp để thu hồi triệt để tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát. Tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thanh tra để xử lý sai phạm trong các dự án gây thất thoát, thua lỗ kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. Chú trọng thanh tra một số lĩnh vực có nguy cơ phát sinh tham nhũng, lãng phí cao như lĩnh vực quản lý tài sản công, đầu tư công, quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản và thuế.

Đề cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu ở các cơ quan nhà nước và hệ thống chính trị trong việc quản lý tài sản công, đầu tư công; có giải pháp hiệu quả để khắc phục việc giao vốn, giải ngân vốn đầu tư công chậm; làm rõ trách nhiệm, có chế tài để xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm. Cần có biện pháp và giải pháp cụ thể không để đối tượng

lợi dụng việc triển khai các dự án liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư để vi phạm các quy định về quản lý đầu tư công, nhận hối lộ, thông đồng, móc ngoặc từ khâu tổ chức đấu thầu đến thi công, nghiệm thu hạng mục công trình; cấu kết, móc ngoặc với các đối tượng ngoài xã hội để thao túng hoạt động mua bán, đấu giá đất đai, gây thiệt hại cho Nhà nước.

Tập trung triển khai các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng lãng phí, bất cập trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản. Ngăn chặn tình trạng lợi dụng sự thông thoáng của Luật Doanh nghiệp để đăng ký thành lập doanh nghiệp nhưng không hoạt động sản xuất, kinh doanh mà bán hóa đơn giá trị gia tăng trái phép để phục vụ mục đích trốn thuế hoặc lợi dụng kẽ hở trong khai báo hải quan, nâng khống giá trị xuất khẩu hàng hóa lên nhiều lần để chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công, ngân sách nhà nước. Nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác thanh tra chuyên ngành ■

CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHO NGƯỜI CAO TUỔI TRONG TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

● PGS, TS ĐẶNG THỊ ÁNH TUYẾT
● ThS, NCVC LẠI THỊ THU HÀ
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Xu hướng già hóa dân số và những thách thức đối với kinh tế - xã hội

Già hóa dân số đang là một trong những vấn đề trọng tâm của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Nâng cao chất lượng đời sống và gia tăng tuổi thọ trung bình là đánh dấu thành tựu của quá trình phát triển. Tuy nhiên đồng thời với gia tăng tuổi thọ trong bối cảnh mức sinh thay thế không được duy trì bền vững thì xu thế già hóa dân số nhanh là một tất yếu về mặt chuyển đổi nhân khẩu học. Những thách thức so xu hướng già hóa dân số nhanh sẽ làm tăng gánh nặng kinh tế - xã hội và áp lực cho thực hiện hệ thống an sinh xã hội. Với một đất nước nền kinh tế còn non trẻ như Việt Nam nếu chúng ta không có những

giải pháp chính sách xã hội thích ứng kịp thời thì trong tương lai không xa chúng ta sẽ phải đối mặt với nhiều khủng hoảng cả về thị trường lao động, bảo trợ xã hội cho người cao tuổi cũng như cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản cho người cao tuổi.

Theo UNFPA (2011), một nước sẽ bước vào giai đoạn “bắt đầu già” khi dân số cao tuổi chiếm 10% tổng dân số và giai đoạn “già” khi dân số cao tuổi chiếm 20% tổng dân số¹. Số liệu thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2019 cả nước có khoảng 11,41 triệu người cao tuổi, chiếm khoảng 12% dân số; hơn 7 triệu NCT sống ở khu vực nông thôn (chiếm 64%)². Điều đáng nói hơn là quá trình quá độ từ già hóa dân số đến dân số già của Việt Nam chỉ trong vòng 20 năm,

trong khi một số quốc gia phát triển cao có thể kéo dài gần trăm năm. “Bước nhảy vọt” của tiến trình già hóa dân số sang dân số già đang tạo ra những áp lực trong tương lai đối với mô hình phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở nước ta.

Theo số liệu thống kê năm 2011-2012 Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ già hóa và ước tính vào năm 2049, nước ta sẽ có 26,10% là người cao tuổi, có nghĩa cứ 3 người Việt Nam thì sẽ có 1 người từ 60 tuổi trở lên³; Trong tổng số hơn 11 triệu NCT hiện chỉ có 3,1 triệu NCT có lương hưu và 1,7 triệu NCT có trợ cấp xã hội và mới có khoảng 10 triệu NCT tham gia BHYT (đạt 95%). 5% còn lại chủ yếu là NCT có hoàn cảnh khó khăn, nhưng không thuộc diện hộ nghèo, hộ được cấp thẻ BHYT miễn phí. Với cùng dự báo dân số, tỉ số phụ thuộc dân số (tính bằng số người từ 60 tuổi trở lên so với số người trong độ tuổi lao động 15-59) được dự báo tăng gấp hơn ba lần, từ 14% năm 2014 lên 43% năm 2049. Tỷ lệ NCT chính thức vượt tỷ lệ trẻ em (từ 0-14 tuổi) vào năm 2040⁴. Chỉ số già hóa năm 2019 là 48,8%, tăng 13,3 điểm phần trăm so với năm 2009 và tăng

hơn hai lần so với năm 1999. Các chuyên gia đánh giá, chỉ số này còn có xu hướng tiếp tục tăng nhanh lên trong những năm sắp tới. Số liệu tại bảng 1 phản ánh xu hướng người cao tuổi tăng lên khi mà số trẻ em từ 0-15 tuổi giảm rất nhanh điều đó dẫn đến tỷ trọng người trong độ tuổi lao động giảm xuống. Điều này đang tạo ra áp lực đối với Chính phủ, các Bộ ngành vừa phải đồng thời thực hiện các chính sách thích ứng với già hóa dân số vừa tranh thủ tận dụng nguồn nhân lực “cơ cấu vàng” cho phát triển kinh tế, vừa chú trọng việc khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ 2 con để duy trì mức sinh thay thế (xem bảng 1). Nhận thức được xu hướng tỷ trọng dân số từ 0-15 tuổi giảm nhanh đồng thời tỷ trọng người già từ 65 tuổi tăng nhanh nên trong mục tiêu chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 Chính phủ đã đưa mục tiêu duy trì mức sinh thay thế là giải quyết bài toán ứng phó với quá trình già hóa nhanh ở nước ta hiện nay.

Các nghiên cứu về già hóa dân số trên thế giới đã chỉ ra tốc độ già hóa dân số diễn ra nhanh sẽ tác động đến mọi chiều cạnh của đời sống xã hội, từ kinh tế- xã hội. Đặc biệt, dễ dàng nhận

ra nhất đó là sự khủng hoảng nguồn nhân lực cho thị trường lao động (Nhật Bản, Pháp, Đức,...); tăng nhanh tỷ lệ dân số phụ thuộc, gây áp lực với hệ thống y tế và lương hưu, hệ thống bảo trợ xã hội đối với chăm sóc cho NCT. Chăm sóc NCT về sức khỏe thể chất và tinh thần và các tương tác xã hội trong bối cảnh già hóa dân số cũng đặt ra nhiều vấn đề không chỉ ở cấp độ cá nhân mà còn là cấp độ gia đình và xã hội. Vì vậy, nghiên cứu về già hóa dân số ở Việt Nam cũng như đề xuất các chính sách xã hội thích ứng với điều kiện một quốc gia già hóa nhanh “chưa giàu đã già” là một vấn đề cần được quan tâm thấu đáo và phù hợp với bối cảnh kinh tế - văn hóa và xã hội.

2. Một số chính sách xã hội hiện hành đối với người cao tuổi

Ở nước ta quan tâm đến người cao tuổi là một trong những trọng tâm

chính sách của Đảng và Nhà nước. Văn kiện Đại hội Đảng qua các thời kỳ đều nhấn mạnh đến việc thực hiện các chính sách xã hội đối với người già, quan tâm thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế toàn dân và các nhóm yếu thế trong xã hội, trong đó có nhóm người cao tuổi. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã nhấn mạnh “Tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, chủ động thích ứng với già hóa dân số”²⁵. Với mục tiêu đảm bảo hệ thống chính sách xã hội và phúc lợi cho nhóm người cao tuổi ngày càng được cải thiện bao phủ đối tượng hưởng và tăng mức hưởng. Thời gian qua Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phù hợp đảm bảo quyền và cơ hội tiếp cận cả về vật chất và tinh thần. Bao trùm chính sách xã hội cho người cao tuổi đều nhấn mạnh đến công tác và bảo trợ xã hội, chăm

Bảng 1. Tỷ trọng dân số theo nhóm tuổi, 1999 – 2019

Tỷ trọng dân số	1999	2009	2019
Tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi	33,1	24,5	24,3
Tỷ trọng dân số từ 15-64 tuổi	61,1	69,1	68,0
Tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên	5,8	6,4	7,7

Nguồn số liệu: Tổng cục Thống kê 2019

sức khỏe đối với Người cao tuổi bao hàm cả lĩnh vực sức khỏe, việc làm, văn hóa, thể thao, du lịch; lĩnh vực giao thông cũng như xây dựng và quản lý hiệu quả quỹ chăm sóc và phát huy vai trò Người cao tuổi. Hiến pháp 2013, tại Điều 37 đã ghi rõ: “Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Năm 2009 Quốc hội ban hành Luật người cao tuổi và đã đưa ra tiêu chí người cao tuổi gồm những người từ 60 tuổi trở lên (Điều 2)⁶. Ngày 14-1-2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2011/NĐ-CP về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về NCT Việt Nam giai đoạn 2012-2020. Tiếp đó các Bộ, ban ngành liên quan đã ban hành 07 Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các chính sách về bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe, miễn giảm giá vé, phí tham gia giao thông, văn hóa thể dục thể thao, các hoạt động du lịch, chúc thọ mừng thọ NCT. Đặc biệt đối với nhóm người già từ 80 trở lên thuộc hộ gia đình nghèo không có người phụng dưỡng, hoặc có phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội

hàng tháng, thì được hưởng mức trợ cấp 270 nghìn đồng/người/tháng và bảo hiểm y tế. Đối với người cao tuổi được nhận nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội quy định tại khoản 2 điều 18 Luật người cao tuổi, thì được hưởng mức trợ cấp 360 nghìn đồng/người/tháng và hiện nay Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội đang dự kiến đề xuất mức hưởng trợ cấp xã hội từ năm 2021 tăng lên là 360.000 đồng/tháng và từ ngày 01-01-2023 là 500.000 đồng/tháng. Chương trình quốc gia về NCT giai đoạn 2012-2020 xác định các nhóm mục tiêu thể hiện sự quan tâm và mong đợi của nhà nước và xã hội trong phát huy vai trò kinh tế của NCT thông qua hệ thống chỉ tiêu mà chương trình đề ra⁷. Và gần đây nhất ngày 13-10-2020, Thủ tướng Chính phủ vừa phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 với mục tiêu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi (người từ đủ 60 tuổi trở lên) bảo đảm thích ứng với già hóa dân số, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030⁸. Chương trình đưa ra nhiều chỉ tiêu quan trọng và bao phủ,

trong đó đáng kể đến các chỉ tiêu như 100% cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp ban hành nghị quyết, kế hoạch, đầu tư ngân sách cho chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030; Người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi đạt 70% năm 2025; 85% năm 2030; Người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm đạt 70%, được lập hồ sơ theo dõi quản lý sức khỏe đạt 95% năm 2025; 100% năm 2030; Người cao tuổi được phát hiện, điều trị, quản lý các bệnh không lây nhiễm (ung thư, tim mạch, tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, sa sút trí tuệ...) đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030; 100% năm 2030; Số xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, có ít nhất 01 đội tình nguyện viên tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đạt 50% năm 2025; 90% năm 2030. Đây là dấu mốc quan trọng trong việc triển khai công tác chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi trong thời gian tới.

Nhìn một cách tổng thể cho thấy Hiến pháp và Luật là cơ sở pháp lý quan trọng để ban hành và thực thi các chính sách xã hội đối với người cao tuổi. Rà soát các văn bản pháp luật, chương trình, chính sách xã hội đối với người cao tuổi cho thấy việc đề cao phụng dưỡng, chăm sóc và phát huy các vai trò của NCT một cách tối ưu thể hiện tính nhân văn của Nhà nước Việt Nam đối với NCT, đặc biệt khẳng định vai trò quan trọng của gia đình trong chăm sóc và phụng dưỡng NCT, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và các nguồn lực hiện nay của Việt Nam.

Tuy nhiên với dự báo về tốc độ già hóa dân số ở Việt Nam trong nhóm nước nhanh nhất thế giới thì trong tương lai việc ứng phó với những áp lực dân số già, tỷ trọng dân số phụ thuộc tăng nhanh trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, trong bối cảnh nỗ lực vượt qua “bẫy thu nhập trung bình” thì sẽ là một thách thức không nhỏ đối với hệ thống chính sách xã hội cũng như việc xây dựng một chính sách xã hội thích ứng với già hóa dân số cần được tính toán kỹ và phù hợp với bối cảnh kinh tế- xã hội và cân đối các nguồn lực sẵn có.

3. Những hàm ý chính sách xã hội cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số

Từ sự phân tích trên cho thấy, cùng với nhiều thách thức lớn khác, hiện nay Việt Nam đang đối diện với nguy cơ dân số bước vào giai đoạn già hoá. *Một là*, già hoá dân số sẽ khiến cấu trúc, quy mô gia đình thay đổi. Khi tuổi thọ gia tăng và con người sống lâu hơn, sinh ít con hơn và cũng ít quyền được lựa chọn chăm sóc hơn. So với các nước phát triển thì dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, tinh thần cho người cao tuổi ở nước ta còn nhiều hạn chế, chưa đa dạng về mô hình và ở cấp độ cá nhân thì phần lớn người cao tuổi thiếu hụt nguồn lực tài chính, hiện nay ở khu vực nông thôn thì đa số người cao tuổi vẫn sống dựa vào sự chăm sóc, hỗ trợ của con cháu là chủ yếu. *Hai là*, các nghiên cứu về người cao tuổi cũng đã chỉ ra trong tương lai với tốc độ già hóa vào nhóm nhanh nhất thế giới thì trong vài thập kỷ tới người cao tuổi Việt Nam cùng lúc đối mặt với nhiều vấn đề như: nhà ở, chăm sóc y tế và an sinh xã hội. Hơn nữa khi tuổi thọ tăng lên thì đối với nhóm hưởng lương hưu cũng kéo dài

hơn và là áp lực dễ nhìn thấy đối với hệ thống y tế và quỹ lương hưu.

Vì vậy việc thiết kế hệ thống chính sách xã hội cho người cao tuổi thích ứng với quá trình già hóa dân số nhanh ở Việt Nam cần được coi là một trọng tâm của chính sách xã hội. Thiết nghĩ, chính sách xã hội cho người cao tuổi cần tập trung chú ý đến những vấn đề sau:

Thứ nhất, cần rà soát tổng thể các chính sách xã hội cho người cao tuổi hiện nay và tập trung vào các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để đánh giá một cách tổng thể những điểm mạnh, điểm yếu và khoảng trống của chính sách để từ đó từng bước xây dựng một hệ thống chính sách xã hội tổng thể, bao trùm đối với nhóm NCT từ chăm sóc y tế, bảo trợ xã hội, việc làm phù hợp và các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch. Bởi lẽ thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc NCT, khai thác các tiềm năng, thế mạnh từ nguồn lực của NCT một cách tối ưu sẽ góp phần giải quyết những “khủng hoảng” của dân số già mà các nước đã và đang trải qua. Với một quốc gia đang trong quá trình vượt lên “bẫy thu nhập trung bình” thì việc

vừa khai thác lợi thế dân số vàng vừa xây dựng chính sách thu hút NCT vào thị trường lao động là một chiến lược mang tính dài hơi và hiệu quả.

Thứ hai, phát triển hệ thống dịch vụ chăm sóc người cao tuổi đa dạng hơn, phù hợp với các nhóm xã hội người cao tuổi theo giới, nơi ở, thu nhập và các nhóm tuổi của người cao tuổi. Giảm thiểu sự bất bình đẳng xã hội đối với nhóm người cao tuổi trong tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng. Hệ thống khoa Lão khoa ở các bệnh viện tuyến tỉnh và huyện cần có chiến lược dài hạn và đầu tư nguồn lực. Cần chú ý cải thiện cơ hội tiếp cận thông tin và dịch vụ chăm sóc y tế có khả năng chi trả và thân thiện đáp ứng đa dạng các nhóm xã hội NCT. Ngoài hệ thống an sinh xã hội của Nhà nước cho NCT thì cần đặc biệt chú ý các mô hình chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; thành lập các quỹ trợ giúp NCT lúc gặp khó khăn để kịp thời động viên vật chất và tinh thần cho NCT khi gặp các cú sốc hay những rủi ro trong cuộc sống. Phát huy vai trò Hội người cao tuổi ở các cấp, các ngành. Các Bộ, ngành và Tổng cục Thống kê cần nghiên cứu đến phương án xây dựng hệ thống cơ sở dữ

liệu quốc gia về NCT trong đó chú trọng các yếu tố như: Dân tộc, giới tính, nơi ở, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe, việc làm,... để thực hiện việc quản lý và chăm sóc NCT một cách hệ thống và toàn diện hơn.

Thứ ba, một trong những mối quan tâm hàng đầu của NCT trên phạm vi toàn cầu trong đó có Việt Nam là đảm bảo thu nhập. Bên cạnh yếu tố chăm sóc y tế thì vấn đề việc làm và thu nhập là một trong những yếu tố quan trọng NCT thường xuyên đề cập đến. Vì vậy, để giúp người cao tuổi tăng thu nhập từ việc làm thì việc tăng cường hơn nữa khả năng tham gia thị trường lao động của NCT, thích ứng với bối cảnh già hóa dân số và suy giảm nguồn cung lao động thì ở cấp độ quốc gia, gia đình và cá nhân cần có những giải pháp và lộ trình phù hợp hướng đến tạo việc làm phù hợp cho người cao tuổi. Hiện nay các nghiên cứu đều chỉ ra nhu cầu việc làm NCT là đáng kể và họ vẫn có đóng góp khá quan trọng cho kinh tế gia đình. Tuy nhiên, hiện nay NCT đối diện với nhiều khó khăn trong tìm kiếm việc làm phù hợp vì những lý do về sức khỏe, học vấn, kỹ năng lao động và nơi ở. Vì vậy đa dạng hóa ngành

nghề, việc làm ở khu vực nông thôn để nhóm người cao tuổi có cơ hội tiếp cận được việc làm và cải thiện thu nhập cũng như đời sống tinh thần. Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng NCT vào các việc làm phù hợp và trả lương xứng đáng, cũng như các điều kiện về bảo hiểm. Khủng hoảng về tài chính và thu nhập của NCT sẽ là thách thức đối với chính bản thân họ trong việc kéo dài tuổi thọ khỏe mạnh hay nói cách khác là thực hiện Già hóa thành công.

Thứ tư, trong bối cảnh xu hướng nữ hóa người cao tuổi, thì việc quan tâm đến chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho nhóm nữ cần tính đến những yếu tố đặc thù theo giới. Trong tương quan với nhóm nam giới, phụ nữ là nhóm dễ tổn thương hơn, tỷ lệ mắc bệnh và khuyết tật cũng cao hơn

và sự đối mặt cuộc sống độc thân, góa cao hơn nam giới. Không nên áp dụng một chính sách chung đồng nhất cho nhóm người cao tuổi thiếu nhạy cảm giới. Chính sách xã hội cần đảm bảo sự bao trùm và tính đến sự đa dạng về các chiều cạnh: giới tính, độ tuổi, dân tộc, giáo dục, thu nhập và sức khỏe. Sàn an sinh xã hội cần phải được thực hiện đảm bảo cho nhóm nữ được tiếp cận đến các dịch vụ xã hội và y tế thiết yếu cho NCT trong đó chú ý tính đặc thù của giới tính nữ. Đặc biệt trong nhóm người cao tuổi có nhóm dễ tổn thương nhất như nhóm già nhất, không biết chữ, sống vùng sâu vùng xa, người đồng bào dân tộc thì chính sách xã hội cần có những chương trình và mô hình can thiệp dành riêng cho nhóm này ■

¹ <http://www.molisa.gov.vn/Pages/tintuc/chitiet.aspx?tintucID=222363>

² Báo cáo “Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam, thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách” của Quỹ Dân số Liên hiệp quốc (UNFPA) tháng 7 năm 2011.

³ <http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210245/Chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-doi-voi-gia-hoa-dan-so-o-Viet-Nam.html>

⁴ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*, t.II, tr.136.